

Số: ~~197~~ /TTr-UBND

Hà Nội, ngày ~~21~~ tháng 6 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số  
dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;  
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy  
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ các Nghị quyết của HĐND Thành phố: số 21/NQ-HĐND ngày  
23/9/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của thành phố  
Hà Nội và Danh mục lĩnh vực đầu tư cho vay giai đoạn 2021-2025 của Quỹ đầu  
tư phát triển thành phố Hà Nội; số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 về dự toán  
ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2022  
và cập nhật, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2021; số 02/NQ-HĐND ngày  
08/4/2022 về bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, phân  
bổ Kế hoạch vốn năm 2022 thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng, cải tạo trường  
học công lập để đủ điều kiện đạt chuẩn quốc gia, nâng cấp hệ thống y tế và tu  
bổ, tôn tạo di tích trong giai đoạn 2022-2025 và các năm tiếp theo và một số dự  
án xây dựng cơ bản nhiệm vụ cấp Thành phố;*

*Căn cứ Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND  
Thành phố về quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh  
tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND  
Thành phố quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các chương trình, dự án  
đầu tư công của thành phố Hà Nội;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại các Báo cáo thẩm định chủ  
trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư kèm theo hồ sơ, Tờ trình của các  
đơn vị được giao nhiệm vụ Chủ đầu tư đề nghị cấp thẩm quyền phê duyệt chủ  
trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công của thành  
phố Hà Nội.*

Sau khi xem xét, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân  
Thành phố xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư đối



với một số dự án đầu tư công như sau:

## **A. NỘI DUNG HỒ SƠ ĐỀ XUẤT:**

### **I. Phê duyệt chủ trương đầu tư:**

Tổng số dự án trình phê duyệt chủ trương đầu tư: 36 dự án với tổng mức đầu tư dự kiến: 6.584.323 triệu đồng (gồm: 22 dự án nhóm B và 14 dự án nhóm C). Trong đó:

1. Dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố: 20 dự án, tổng mức đầu tư dự kiến: 2.725.566 triệu đồng.

2. Dự án sử dụng 100% ngân sách cấp huyện: 16 dự án (gồm các quận, huyện: Gia Lâm, Đông Anh, Tây Hồ, Thanh Xuân, Thường Tín), tổng mức đầu tư dự kiến: 3.858.757 triệu đồng.

*(Chi tiết danh mục dự án tại Phụ lục kèm theo)*

### **II. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư:**

Tổng số dự án trình phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư: 07 dự án, với tổng mức đầu tư dự kiến: 693.475 triệu đồng (gồm: 03 dự án nhóm B, 04 dự án nhóm C. Trong đó:

1. Dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố: 06 dự án, tổng mức đầu tư dự kiến: 655.069 triệu đồng.

2. Dự án sử dụng 100% ngân sách cấp huyện: 01 dự án (của quận Long Biên), tổng mức đầu tư dự kiến: 38.406 triệu đồng.

*(Chi tiết danh mục dự án tại Phụ lục kèm theo)*

### **III. Về nhu cầu vốn và khả năng cân đối vốn cho các dự án**

Khả năng cân đối nguồn vốn của từng dự án được báo cáo chi tiết tại các Báo cáo thẩm định chủ trương đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

#### **1. Đối với các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố**

Khả năng cân đối nguồn vốn trung hạn 2021-2025 cho các dự án trên cơ sở các Nghị quyết của HĐND Thành phố số: 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 20/5/2022 và phương án cập nhật Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 trình HĐND Thành phố tại kỳ họp tháng 7/2022, như sau:

#### **1.1. Lĩnh vực quốc phòng**

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 là: 2.390.000 triệu đồng, gồm: 1.205.000 triệu đồng đã xác định chi tiết mức vốn cho các dự án (*trong đó đã cập nhật mức vốn trung hạn 785.000 triệu đồng xác định chi tiết cho 05 dự án trình tại kỳ họp này*); 1.185.000 triệu đồng chưa xác định chi tiết mức vốn cho các dự án.

- Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 01 dự án (tổng mức đầu tư dự kiến 85.000 triệu đồng), nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 (*gọi tắt là kế hoạch vốn trung hạn*) dự kiến là 76.000 triệu đồng.

#### **1.2. Lĩnh vực giáo dục đào tạo và giáo dục dạy nghề**

- Dự kiến nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 là

*Hg*

6.858.262 triệu đồng, gồm: 1.297.355 triệu đồng đã xác định chi tiết mức vốn cho các dự án (*trong đó đã cập nhật mức vốn trung hạn 220.200 triệu đồng xác định chi tiết cho 04 dự án trình tại kỳ họp này*); 5.560.907 triệu đồng chưa xác định chi tiết mức vốn cho các dự án (bao gồm: 2.250.000 triệu đồng cho các dự án trường liên cấp, 3.045.407 triệu đồng cho các dự án khác của lĩnh vực giáo dục và 265.500 triệu đồng cho các dự án lĩnh vực giáo dục dạy nghề)

- Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 01 dự án lĩnh vực giáo dục (tổng mức đầu tư dự kiến 81.555 triệu đồng), nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn dự kiến là 69.300 triệu đồng.

- Đề xuất phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư cho 01 dự án lĩnh vực giáo dục tăng (tổng mức đầu tư từ 42.475 triệu đồng lên 59.341 triệu đồng), nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn dự kiến là 37.300 triệu đồng (trong đó tăng thêm là 14.300 triệu đồng so với mức vốn trung hạn đã phê duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND).

### **1.3. Lĩnh vực y tế**

- Dự kiến nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 là: 8.999.504 triệu đồng, gồm: 2.176.000 triệu đồng đã xác định chi tiết mức vốn cho các dự án; 6.823.504 triệu đồng chưa xác định chi tiết mức vốn cho các dự án.

- Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 01 dự án (tổng mức đầu tư dự kiến 780.123 triệu đồng), nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn dự kiến là 350.000 triệu đồng.

### **1.4. Lĩnh vực văn hóa, thông tin**

- Dự kiến nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 là: 6.185.380 triệu đồng, gồm: 2.017.000 triệu đồng đã xác định chi tiết mức vốn cho các dự án (*trong đó đã cập nhật mức vốn trung hạn 220.200 triệu đồng xác định chi tiết cho 04 dự án trình tại kỳ họp này*); 4.168.380 triệu đồng chưa xác định chi tiết mức vốn cho các dự án (bao gồm: 2.640.400 triệu đồng cho các dự án trọng điểm, 1.429.203 triệu đồng cho các dự án di tích, 98.777 triệu đồng cho các dự án khác lĩnh vực văn hóa thông tin).

- Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 02 dự án (tổng mức đầu tư dự kiến 119.390 triệu đồng), nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn dự kiến là 101.400 triệu đồng.

- Đề xuất phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư cho 01 dự án (điều chỉnh tên dự án, thời gian thực hiện, tăng tổng mức đầu tư với tổng mức đầu tư 21.875 triệu đồng), nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn dự kiến là 18.600 triệu đồng.

### **1.5. Lĩnh vực thể dục thể thao**

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 là: 451.200 triệu đồng, gồm: 195.000 triệu đồng đã xác định chi tiết mức vốn cho các dự án; 256.200 triệu đồng chưa xác định chi tiết mức vốn cho các dự án (*trong đó đã cập nhật giảm kế hoạch vốn trung hạn 18.000 triệu đồng của 01 dự án trình tại kỳ họp này*)

- Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 02 dự án với tổng mức đầu tư dự kiến 339.395 triệu đồng, nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn dự kiến là 271.500 triệu đồng.

### **1.6. Lĩnh vực đề điều**

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 là: 3.702.300 triệu đồng, gồm: 3.143.800 triệu đồng đã xác định chi tiết mức vốn cho các dự án (trong đó đã cập nhật mức vốn trung hạn 706.000 triệu đồng xác định chi tiết cho 06 dự án trình tại kỳ họp này); 558.500 triệu đồng chưa xác định chi tiết mức vốn cho các dự án.

- Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 03 dự án với tổng mức đầu tư dự kiến 535.367 triệu đồng, nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 dự kiến là 380.000 triệu đồng.

### **1.7. Lĩnh vực thủy lợi**

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 là: 5.952.000 triệu đồng, gồm: 4.759.300 triệu đồng đã xác định chi tiết mức vốn cho các dự án (trong đó đã cập nhật mức vốn trung hạn 916.300 triệu đồng xác định chi tiết cho 05 dự án trình tại kỳ họp này); 1.192.700 triệu đồng chưa xác định chi tiết mức vốn cho các dự án.

- Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 06 dự án với tổng mức đầu tư dự kiến 366.095 triệu đồng, nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn dự kiến là 316.000 triệu đồng.

- Đề xuất phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư cho 01 dự án tăng (tổng mức đầu tư từ 49.000 triệu đồng lên 54.956 triệu đồng), nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn dự kiến là 44.000 triệu đồng (bổ sung tăng thêm 4.000 đồng so với mức vốn trung hạn đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021).

### **1.8. Lĩnh vực giao thông**

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 lĩnh vực giao thông là: Tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND là 83.337.597 triệu đồng; được cập nhật bổ sung tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND: 10.490.000 triệu đồng (cho 02 dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ giao Kế hoạch vốn trung hạn, yêu cầu địa phương phải cân đối đối ứng đủ vốn để hoàn thành công trình và Dự án đường vành đai 3,5 đoạn Hoàng Quốc Việt đến KCN Nam Thăng Long - là dự án thuộc danh mục dự án lớn cần đẩy nhanh tiến độ đầu tư). Ngoài ra, đối với lĩnh vực giao thông còn bổ sung cân đối ngân sách địa phương 19.477.000 triệu đồng cho Dự án đường vành đai 4 (đã được HĐND Thành phố quyết nghị dự nguồn tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 20/5/2022) và dự nguồn 10.000.000 triệu đồng ODA vay lại cho dự án đường sắt số 3. Hiện lĩnh vực còn 400.321 triệu đồng chưa xác định chi tiết cho các dự án (trong đó đã cập nhật mức vốn trung hạn 121.200 triệu đồng xác định chi tiết cho các dự án trình tại kỳ họp này).

- Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 04 dự án với tổng mức đầu tư dự kiến 418.641 triệu đồng. Trong đó có: **02** dự án bổ sung danh mục dự án (liên quan đến quản lý, vận hành khai thác tuyến đường sắt đô thị Hà Nội tuyến Cát Linh - Hà Đông và đoạn Nhổn - Ga Hà Nội, tổng mức đầu tư dự kiến là 78.346 triệu đồng); **02** dự án khác, tổng mức đầu tư dự kiến 340.295 triệu đồng (Dự án

xây dựng, lắp đặt hệ thống thiết bị cân kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ thuộc địa bàn Thành phố, Dự án cải tạo, bổ sung kết nối tín hiệu giao thông đường bộ với đường sắt để đảm bảo an toàn giao thông các điểm giao cắt giữa đường bộ với đường sắt). Nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn của 04 dự án dự kiến là 343.000 triệu đồng.

- Đề xuất phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư cho 03 dự án chuyển tiếp với tổng mức đầu tư dự kiến 518.897 triệu đồng. Nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn dự kiến là 325.000 triệu đồng (trong đó tăng thêm là 166.000 triệu đồng so với mức vốn trung hạn đã phê duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND)

**2. Đối với các dự án sử dụng ngân sách cấp huyện** (16 dự án thuộc lĩnh vực giao thông, hạ tầng kỹ thuật của quận, huyện: Gia Lâm, Đông Anh, Long Biên, Tây Hồ, Thanh Xuân, Thường Tín)

**2.1 Huyện Gia Lâm:** Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư 06 dự án, tổng mức đầu tư dự kiến là 664.505 triệu đồng. Huyện Gia Lâm báo cáo đảm bảo khả năng cân đối nhu cầu vốn cho các dự án trong đó giai đoạn 2021- 2025, huyện dự kiến bố trí 432.000 triệu đồng và HĐND huyện đã thông qua chủ trương dùng ngân sách huyện đầu tư các dự án nhiệm vụ chi cấp Thành phố.

**2.2 Huyện Đông Anh:** Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư 06 dự án, tổng mức đầu tư dự kiến là 2.562.663 triệu đồng. Huyện Đông Anh báo cáo đảm bảo khả năng cân đối nhu cầu vốn cho các dự án trong đó giai đoạn 2021- 2025, HĐND Huyện đã thông qua bố trí 2.000.000 triệu đồng để đầu tư các dự án nhiệm vụ chi cấp Thành phố.

**2.3 Quận Long Biên:** Đề xuất điều chỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư 01 dự án chuyển tiếp đã sử dụng ngân sách của Quận (dự kiến điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư với mức đầu tư sau điều chỉnh là 38.406 triệu đồng). Quận đã báo cáo đảm bảo khả năng cân đối vốn cho dự án trong giai đoạn 2021- 2025 khi điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án.

**2.4 Quận Tây Hồ:** Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư 02 dự án, tổng mức đầu tư dự kiến là 89.334 triệu đồng. Quận báo cáo các dự án đã được HĐND quận Tây Hồ thông qua chủ trương sử dụng ngân sách Quận tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 và Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 16/12/2021.

**2.5 Quận Thanh Xuân:** Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư 01 dự án, tổng mức đầu tư dự kiến là 42.552 triệu đồng. Dự án đã được HĐND quận Thanh Xuân thông qua chủ trương đầu tư sử dụng ngân sách Quận tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 15/4/2022.

**2.6 Huyện Thường Tín:** Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư 01 dự án, tổng mức đầu tư dự kiến là 499.703 triệu đồng. Huyện báo cáo dự án đã được HĐND Huyện thông qua chủ trương sử dụng ngân sách Huyện tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 13/3/2021.

**IV. Thời gian thực hiện dự án:** Đảm bảo phù hợp theo quy định của Luật Đầu tư công về thời gian bố trí vốn dự án (nhóm C không quá 3 năm, nhóm B không quá 4 năm).

*Hg*

## B. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

Hồ sơ của từng dự án đã và sẽ gửi kèm theo các Tờ trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án của UBND Thành phố trình HĐND Thành phố, đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

## C. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo, kính đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nêu trên và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố quyết nghị tại dự thảo kèm theo./. *sk*

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng chuyên viên; *g*
- Lưu: VT.

32497

45

*K*  
(để báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *✓*  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn *h*

**Phụ lục**  
**BIỂU TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN TRÌNH HĐND THÀNH PHỐ PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**  
**TẠI KỲ HỌP THỨ 5 CỦA HĐND THÀNH PHỐ KHÓA XVI, NHIỆM KỲ 2021-2026**  
*(Kèm theo Tờ trình số 497/TTr-UBND ngày 21/6/2022 của UBND Thành phố)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT  | Dự án                                                                                     | Nhóm dự án |    |    | Năng lực thiết kế/Quy mô                                           | TMDT      |              |              | Khả năng cân đối vốn cho các dự án                                                          |                                  |                                  |                                                                                                             |              |              |                                                        |              |              | Thời gian thực hiện | Chủ đầu tư                                   | Hồ sơ (Báo cáo thẩm định và Tờ trình của UBND Thành phố)                                                                                                    | Ghi chú                                                           |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----|----|--------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|--------------------------------------------------------|--------------|--------------|---------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                           | A          | B  | C  |                                                                    | Tổng số   | NS Thành phố | NS cấp huyện | Kế hoạch vốn ngân sách cấp Thành phố/cấp huyện đã bố trí, giải ngân từ đầu tư dự án đến nay |                                  |                                  | Dự kiến cập nhật, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 so với trung hạn đã được duyệt |              |              | Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030 |              |              |                     |                                              |                                                                                                                                                             |                                                                   |
|     |                                                                                           |            |    |    |                                                                    |           |              |              | Tổng số                                                                                     | KHV trung hạn 2021-2025 đã duyệt | Trong đó KHV 2021-2022 đã bố trí | Tổng số                                                                                                     | NS Thành phố | NS cấp huyện | Tổng số                                                | NS Thành phố | NS cấp huyện |                     |                                              |                                                                                                                                                             |                                                                   |
| 1   | 2                                                                                         | 3          | 4  | 5  | 6                                                                  | 7         | 8            | 9            | 10                                                                                          | 11                               | 12                               | 13                                                                                                          | 14           | 15           | 16                                                     | 17           | 18           | 19                  | 20                                           | 21                                                                                                                                                          | 22                                                                |
|     | Tổng cộng (A+B)                                                                           |            | 25 | 18 |                                                                    | 7.277.798 | 3.380.635    | 3.897.163    | 346.347                                                                                     | 239.271                          | 90.271                           | 4.734.800                                                                                                   | 2.110.100    | 2.624.700    | 1.241.145                                              | 395.000      | 846.145      |                     |                                              |                                                                                                                                                             |                                                                   |
| A   | Phê duyệt chủ trương đầu tư                                                               |            | 22 | 14 |                                                                    | 6.584.323 | 2.725.566    | 3.858.757    |                                                                                             |                                  |                                  | 4.516.400                                                                                                   | 1.907.200    | 2.609.200    | 1.241.145                                              | 395.000      | 846.145      |                     |                                              |                                                                                                                                                             |                                                                   |
| I   | Lĩnh vực quốc phòng                                                                       |            | 1  |    |                                                                    | 85.000    | 85.000       |              |                                                                                             |                                  |                                  | 76.000                                                                                                      | 76.000       |              |                                                        |              |              |                     |                                              |                                                                                                                                                             |                                                                   |
| 1   | Dự án lĩnh vực quốc phòng                                                                 |            | 1  |    |                                                                    | 85.000    | 85.000       |              |                                                                                             |                                  |                                  | 76.000                                                                                                      | 76.000       |              |                                                        |              |              |                     |                                              | Các hồ sơ, tài liệu và thông tin dự án sẽ được báo cáo tại các văn bản, tờ trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo hình thức phát hành văn bản tối mật | Dự án tối mật                                                     |
|     |                                                                                           |            |    |    |                                                                    |           |              |              |                                                                                             |                                  |                                  |                                                                                                             |              |              |                                                        |              |              |                     |                                              |                                                                                                                                                             |                                                                   |
| II  | Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp                                        |            | 1  |    |                                                                    | 81.555    | 81.555       |              |                                                                                             |                                  |                                  | 69.300                                                                                                      | 69.300       |              |                                                        |              |              |                     |                                              |                                                                                                                                                             |                                                                   |
| 1   | Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Đa Phúc, huyện Sóc Sơn                                      |            | 1  |    | Cải tạo nhà học đã có. Xây mới nhà học bổ môn                      | 81.555    | 81.555       |              |                                                                                             |                                  |                                  | 69.300                                                                                                      | 69.300       |              |                                                        |              |              | 2022-2025           | UBND huyện Sóc Sơn                           | - Báo cáo thẩm định số 269/BC-KH&ĐT ngày 07/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.<br>- Tờ trình số 152/TTr-UBND ngày 17/6/2022 của UBND Thành phố               | Thuộc Kế hoạch đầu tư tại Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 |
|     |                                                                                           |            |    |    |                                                                    |           |              |              |                                                                                             |                                  |                                  |                                                                                                             |              |              |                                                        |              |              |                     |                                              |                                                                                                                                                             |                                                                   |
| III | Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình                                                         |            | 1  |    |                                                                    | 780.123   | 780.123      |              |                                                                                             |                                  |                                  | 350.000                                                                                                     | 350.000      |              | 350.000                                                | 350.000      |              |                     |                                              |                                                                                                                                                             |                                                                   |
| 1   | Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất                                      |            | 1  |    | 500 giường bệnh                                                    | 780.123   | 780.123      |              |                                                                                             |                                  |                                  | 350.000                                                                                                     | 350.000      |              | 350.000                                                | 350.000      |              | 2022-2026           | UBND huyện Thạch Thất                        | - Báo cáo thẩm định số 276/BC-KH&ĐT ngày 08/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.                                                                               | Thuộc Kế hoạch đầu tư tại Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 |
|     |                                                                                           |            |    |    |                                                                    |           |              |              |                                                                                             |                                  |                                  |                                                                                                             |              |              |                                                        |              |              |                     |                                              |                                                                                                                                                             |                                                                   |
| IV  | Lĩnh vực Văn hóa Thông tin                                                                |            | 2  |    |                                                                    | 119.390   | 119.390      |              |                                                                                             |                                  |                                  | 101.400                                                                                                     | 101.400      |              |                                                        |              |              |                     |                                              |                                                                                                                                                             |                                                                   |
| 1   | Bảo tồn, tôn tạo di tích đình Ngự Triều Di Quy và Am Mỹ Châu tại khu di tích Thanh Cổ Loa |            | 1  |    | Tu bổ, tôn tạo khu di tích đình Ngự triều Di quy và khu công công. | 61.308    | 61.308       |              |                                                                                             |                                  |                                  | 52.000                                                                                                      | 52.000       |              |                                                        |              |              | 2022-2025           | Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội | - Báo cáo thẩm định số 258/BC-KH&ĐT ngày 30/5/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư<br>- Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 17/6/2022 của UBND Thành phố                | Thuộc Kế hoạch đầu tư tại Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 |
| 2   | Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đền An Dương Vương tại khu di tích Thanh Cổ Loa                |            | 1  |    | Hồ nước và giếng ngọc. Vẽ tổng thể khuôn viên đền An Dương Vương   | 58.082    | 58.082       |              |                                                                                             |                                  |                                  | 49.400                                                                                                      | 49.400       |              |                                                        |              |              | 2022-2025           | Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội | - Báo cáo thẩm định số 259/BC-KH&ĐT ngày 30/5/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.<br>- Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 17/6/2022 của UBND Thành phố               | Thuộc Kế hoạch đầu tư tại Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022 |
|     |                                                                                           |            |    |    |                                                                    |           |              |              |                                                                                             |                                  |                                  |                                                                                                             |              |              |                                                        |              |              |                     |                                              |                                                                                                                                                             |                                                                   |
| V   | Lĩnh vực Thể dục - Thể thao                                                               |            | 2  |    |                                                                    | 339.395   | 339.395      |              |                                                                                             |                                  |                                  | 271.500                                                                                                     | 271.500      |              |                                                        |              |              |                     |                                              |                                                                                                                                                             |                                                                   |

| TT   | Dự án                                                                                                                                                                                                                                                                              | Nhóm dự án |   |   | Năng lực thiết kế/Quy mô | Tổng số | TMDT         |              | Khả năng cân đối vốn cho các dự án                                                       |                                   |                                   |                                                                                                             |              |              |                                                        |              |              | Thời gian thực hiện                              | Chủ đầu tư                                                                                                                                                                   | Hồ sơ (Bảo cáo thẩm định và Tờ trình của UBND Thành phố) | Ghi chú |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---|---|--------------------------|---------|--------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|--------------------------------------------------------|--------------|--------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------|
|      |                                                                                                                                                                                                                                                                                    | A          | B | C |                          |         | NS Thành phố | NS cấp huyện | Kế hoạch vốn ngân sách cấp Thành phố/cấp huyện đã bố trí, giải ngân từ đầu tự ản đến nay |                                   |                                   | Dự kiến cập nhật, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 so với trung hạn đã được duyệt |              |              | Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030 |              |              |                                                  |                                                                                                                                                                              |                                                          |         |
|      |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |            |   |   |                          |         |              |              | Tổng số                                                                                  | KHV trung hạn 2021- 2025 đã duyệt | Trong đó KHV 2021- 2022 đã bố trí | Tổng số                                                                                                     | NS Thành phố | NS cấp huyện | Tổng số                                                | NS Thành phố | NS cấp huyện |                                                  |                                                                                                                                                                              |                                                          |         |
| 1    | Cải tạo, nâng cấp Nhà ở vận động viên đơn nguyên 1,2,3,4 Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao Hà Nội                                                                                                                                                                   |            | 1 |   | Cải tạo, nâng cấp        | 271.060 | 271.060      |              |                                                                                          |                                   |                                   | 216.800                                                                                                     | 216.800      |              |                                                        |              | 2022-2025    | Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố      | - Báo cáo thẩm định số 180/BC-KH&ĐT ngày 20/4/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.                                                                                                |                                                          |         |
| 2    | Cải tạo, nâng cấp công trình khu nhà tập luyện 3 tầng                                                                                                                                                                                                                              |            | 1 |   | Cải tạo, nâng cấp        | 68.335  | 68.335       |              |                                                                                          |                                   |                                   | 54.700                                                                                                      | 54.700       |              |                                                        |              | 2022-2025    | Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố      | - Báo cáo thẩm định số 196/BC-KH&ĐT ngày 27/4/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.                                                                                                |                                                          |         |
|      |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |            |   |   |                          |         |              |              |                                                                                          |                                   |                                   |                                                                                                             |              |              |                                                        |              |              |                                                  |                                                                                                                                                                              |                                                          |         |
| VI   | Lĩnh vực thể thao, thể dục                                                                                                                                                                                                                                                         |            | 1 | 8 |                          | 901.462 | 901.462      |              |                                                                                          |                                   |                                   | 696.000                                                                                                     | 696.000      |              | 45.000                                                 | 45.000       |              |                                                  |                                                                                                                                                                              |                                                          |         |
| VI.1 | Lĩnh vực thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                  |            | 1 | 2 |                          | 535.367 | 535.367      |              |                                                                                          |                                   |                                   | 380.000                                                                                                     | 380.000      |              | 45.000                                                 | 45.000       |              |                                                  |                                                                                                                                                                              |                                                          |         |
| 1    | Xử lý sạt lở khu vực thương lưu kẻ Thanh Am (tương ứng K4+200 đến K4+500 đề hữu Đuống), thuộc địa bàn phường Thương Thanh, quận Long Biên và hạ lưu kẻ Tinh Quang (tương ứng từ K6+500 đến K6+900 đề hữu Đuống), thuộc địa bàn phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội |            |   | 1 | 700m                     | 33.386  | 33.386       |              |                                                                                          |                                   |                                   | 30.000                                                                                                      | 30.000       |              |                                                        |              | 2022-2024    | UBND quận Long Biên                              | - Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 06/4/2022 của UBND Thành phố,<br>- Báo cáo thẩm định số 111/BC-KH&ĐT ngày 17/3/2022, 1366/KH&ĐT-KTN ngày 04/4/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, |                                                          |         |
| 2    | Cải tạo, nâng cấp tuyến đề tả Hồng đoàn từ K48+165 đến K64+126 thuộc địa bàn huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội                                                                                                                                                                      |            | 1 |   | 16Km                     | 478.000 | 478.000      |              |                                                                                          |                                   |                                   | 330.000                                                                                                     | 330.000      |              | 45.000                                                 | 45.000       | 2023-2026    | UBND huyện Đông Anh                              | - Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 04/4/2022 của UBND Thành phố trình HĐND TP,<br>- Báo cáo thẩm định số 98/BC-KH&ĐT ngày 11/03/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                   |                                                          |         |
| 3    | Xử lý sạt lở bờ hữu sông Hồng tương ứng từ K94+010 đến K94+389 đề hữu Hồng, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội                                                                                                                                                                     |            |   | 1 | 320m                     | 23.981  | 23.981       |              |                                                                                          |                                   |                                   | 20.000                                                                                                      | 20.000       |              |                                                        |              | 2023-2025    | UBND huyện Thường Tín                            | - Báo cáo thẩm định số 274/BC-KH&ĐT ngày 08/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư<br>- Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 17/6/2022 của UBND Thành phố                                 |                                                          |         |
| VI.2 | Lĩnh vực thủy lợi                                                                                                                                                                                                                                                                  |            |   | 6 |                          | 366.095 | 366.095      |              |                                                                                          |                                   |                                   | 316.000                                                                                                     | 316.000      |              |                                                        |              |              |                                                  |                                                                                                                                                                              |                                                          |         |
| 1    | Kiên cố mái, mặt tả bờ sông Lương kết hợp giao thông từ trạm bơm Đồng Lạc đến cầu Hòa Thương, huyện Phú Xuyên                                                                                                                                                                      |            |   | 1 | 950m                     | 34.949  | 34.949       |              |                                                                                          |                                   |                                   | 30.000                                                                                                      | 30.000       |              |                                                        |              | 2023-2025    | Ban QLDA ĐTXD CT Hạ tầng kỹ thuật và Nông nghiệp | - Báo cáo thẩm định số 273/BC-KH&ĐT ngày 08/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,<br>- Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 17/6/2022 của UBND Thành phố                                |                                                          |         |
| 2    | Nạo vét, gia cố bờ kênh tiêu trạm bơm Vĩnh Mô trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội                                                                                                                                                                                      |            |   | 1 | 5.200m                   | 77.635  | 77.635       |              |                                                                                          |                                   |                                   | 65.000                                                                                                      | 65.000       |              |                                                        |              | 2023-2025    | UBND huyện Thường Tín                            | - Báo cáo thẩm định số 271/BC-KH&ĐT ngày 08/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư<br>- Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 17/6/2022 của UBND Thành phố                                 |                                                          |         |

| TT | Dự án                                                                                                                                           | Nhóm dự án |    |   | Năng lực thiết kế/Quy mô                                                                                             | TMDT      |              |              | Khả năng cân đối vốn cho các dự án                                                       |                                  |                                  |                                                                                                             |              |              | Thời gian thực hiện | Chủ đầu tư | Hồ sơ (Báo cáo thẩm định và Tờ trình của UBND Thành phố) | Ghi chú                           |                                                                                                                                                                                                                                                         |              |              |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|---------------------|------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                 | A          | B  | C |                                                                                                                      | Tổng số   | NS Thành phố | NS cấp huyện | Kế hoạch vốn ngân sách cấp Thành phố/cấp huyện đã bố trí, giải ngân từ đầu tư án đến nay |                                  |                                  | Dự kiến cập nhật, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 so với trung hạn đã được duyệt |              |              |                     |            |                                                          |                                   | Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030                                                                                                                                                                                                  |              |              |
|    |                                                                                                                                                 |            |    |   |                                                                                                                      |           |              |              | Tổng số                                                                                  | KHV trung hạn 2021-2025 đã duyệt | Trong đó KHV 2021-2022 đã bố trí | Tổng số                                                                                                     | NS Thành phố | NS cấp huyện |                     |            |                                                          |                                   | Tổng số                                                                                                                                                                                                                                                 | NS Thành phố | NS cấp huyện |
| 3  | Dự án Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu dẫn vào các trạm bơm, tiêu Trại Ro, tiêu Thông Đạt, tiêu Cấn Hạ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội             |            |    | 1 | 7040m                                                                                                                | 66.354    | 66.354       |              |                                                                                          |                                  |                                  | 55.000                                                                                                      | 55.000       |              |                     |            | 2023-2025                                                | UBND huyện Quốc Oai               | - Báo cáo thẩm định số 272/BC-KH&ĐT ngày 08/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.<br>- Tờ trình số 157/TTr-UBND ngày 17/6/2022 của UBND Thành phố                                                                                                           |              |              |
| 4  | Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Vực Giang - sông Tích, huyện Thạch Thất                                                                    |            |    | 1 | Tiêu 3.200ha, tưới 380 ha                                                                                            | 47.657    | 47.657       |              |                                                                                          |                                  |                                  | 41.000                                                                                                      | 41.000       |              |                     |            | 2023-2025                                                | UBND huyện Thạch Thất             | - Báo cáo thẩm định số 282/BC-KH&ĐT ngày 09/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.<br>- Tờ trình số 154/TTr-UBND ngày 17/6/2022 của UBND Thành phố                                                                                                           |              |              |
| 5  | Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu N22 kết hợp làm đường giao thông, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội                                           |            |    | 1 | Tiêu 2.234ha                                                                                                         | 79.500    | 79.500       |              |                                                                                          |                                  |                                  | 70.000                                                                                                      | 70.000       |              |                     |            | 2023-2025                                                | UBND huyện Chương Mỹ              | - Báo cáo thẩm định số 283/BC-KH&ĐT ngày 09/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư<br>- Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 17/6/2022 của UBND Thành phố                                                                                                            |              |              |
| 6  | Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới tiêu trạm bơm Dâm Mối, huyện Chương Mỹ                                                                          |            |    | 1 | Tiêu 394 ha, cấp nước 124 ha                                                                                         | 60.000    | 60.000       |              |                                                                                          |                                  |                                  | 55.000                                                                                                      | 55.000       |              |                     |            | 2023-2025                                                | UBND huyện Chương Mỹ              | - Báo cáo thẩm định số 281/BC-KH&ĐT ngày 09/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.<br>- Tờ trình số 158/TTr-UBND ngày 17/6/2022 của UBND Thành phố                                                                                                           |              |              |
| VI | Lĩnh vực giao thông                                                                                                                             |            | 13 | 4 |                                                                                                                      | 4.145.512 | 418.641      | 3.726.871    |                                                                                          |                                  |                                  | 2.834.200                                                                                                   | 343.000      | 2.491.200    | 846.145             |            | 846.145                                                  |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                         |              |              |
| a  | Ngân sách cấp Thành phố                                                                                                                         |            | 1  | 3 |                                                                                                                      | 418.641   | 418.641      |              |                                                                                          |                                  |                                  | 343.000                                                                                                     | 343.000      |              |                     |            |                                                          |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                         |              |              |
| 1  | Dự án xây dựng, lắp đặt hệ thống thiết bị cân kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ thuộc địa bàn Thành phố                                      |            |    | 1 | 04 vị trí lắp đặt                                                                                                    | 315.695   | 315.695      |              |                                                                                          |                                  |                                  | 253.000                                                                                                     | 253.000      |              |                     |            | 2022-2024                                                | Sở Giao thông vận tải             | - Tờ trình số 299/TTr-UBND ngày 26/11/2021 của UBND Thành phố gửi HĐND Thành phố.<br>'- Báo cáo số 190/BC-KH&ĐT ngày 25/5/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Văn bản rà soát, cáo cáo giải trình số 695/KH&ĐT-HT ngày 25/02/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư |              |              |
| 2  | Cải tạo, bổ sung kết nối tín hiệu giao thông đường bộ với đường sắt để đảm bảo an toàn giao thông các điểm giao cắt giữa đường bộ với đường sắt |            |    | 1 | 15 nút đèn                                                                                                           | 24.600    | 24.600       |              |                                                                                          |                                  |                                  | 20.000                                                                                                      | 20.000       |              |                     |            | 2022-2025                                                | Sở Giao thông vận tải             | - Báo cáo thẩm định số 280/BC-KH&ĐT ngày 09/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                                                                                                                            |              |              |
| 3  | Đầu tư, xây dựng lắp đặt hệ thống cửa chắn ke ga tại các nhà ga trên tuyến Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh - Hà Đông                    |            |    | 1 | Panel cao 1,5m, giá khung sắt sơn tĩnh điện, mặt chắn bằng kính cường lực dày 12mm và kính dán 2 lớp dày 12,38mm,... | 7.968     | 7.968        |              |                                                                                          |                                  |                                  | 7.000                                                                                                       | 7.000        |              |                     |            | 2022-2023                                                | Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội | - Báo cáo thẩm định số 311/BC-KH&ĐT ngày 15/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                                                                                                                            |              |              |

| TT | Dự án                                                                                                                                                            | Nhóm dự án |   |   | Năng lực thiết kế/Quy mô                                                           | TMDT      |              |              | Khả năng cân đối vốn cho các dự án                                                    |                                  |                                  |                                                                                                             |              |              | Thời gian thực hiện | Chủ đầu tư | Hồ sơ (Báo cáo thẩm định và Tờ trình của UBND Thành phố) | Ghi chú                           |                                                                              |                                                                                                                                              |              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---|---|------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|---------------------|------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                                  | A          | B | C |                                                                                    | Tổng số   | NS Thành phố | NS cấp huyện | Kế hoạch vốn ngân sách cấp Thành phố/cấp huyện đã bố trí, giải ngân từ đầu tư đến nay |                                  |                                  | Dự kiến cập nhật, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 so với trung hạn đã được duyệt |              |              |                     |            |                                                          |                                   | Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030                       |                                                                                                                                              |              |
|    |                                                                                                                                                                  |            |   |   |                                                                                    |           |              |              | Tổng số                                                                               | KHV trung hạn 2021-2025 đã duyệt | Trong đó KHV 2021-2022 đã bố trí | Tổng số                                                                                                     | NS Thành phố | NS cấp huyện |                     |            |                                                          |                                   | Tổng số                                                                      | NS Thành phố                                                                                                                                 | NS cấp huyện |
| 4  | Hỗ trợ quản lý vận hành, khai thác tuyến đường sắt đô thị thi điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - ga Hà Nội (Giai đoạn sau khi bàn giao đoạn trên cao)            |            |   | 1 | Đào tạo đội ngũ chuyên gia, cán bộ, công nhân tiếp cận với công nghệ, kỹ thuật mới | 70.378    | 70.378       |              |                                                                                       |                                  |                                  | 63.000                                                                                                      | 63.000       |              |                     |            | 2022-2023                                                | Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội | - Báo cáo thẩm định số 310/BC-KH&ĐT ngày 15/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư |                                                                                                                                              |              |
|    |                                                                                                                                                                  |            |   |   |                                                                                    |           |              |              |                                                                                       |                                  |                                  |                                                                                                             |              |              |                     |            |                                                          |                                   |                                                                              |                                                                                                                                              |              |
| b  | Ngân sách cấp huyện                                                                                                                                              | 12         | 1 |   |                                                                                    | 3.726.871 |              | 3.726.871    |                                                                                       |                                  |                                  | 2.491.200                                                                                                   |              | 2.491.200    | 846.145             |            | 846.145                                                  |                                   |                                                                              |                                                                                                                                              |              |
| 1  | Dự án xây dựng tuyến đường gom chạy dọc Quốc lộ 3 mới từ địa phận huyện Đông Anh đến giao tuyến đường quy hoạch 20,5m, huyện Gia Lâm                             |            | 1 |   | L=2310, B=16m                                                                      | 134.992   |              | 134.992      |                                                                                       |                                  |                                  | 81.000                                                                                                      |              | 81.000       | 47.300              |            | 47.300                                                   | 2022-2025                         | UBND huyện Gia Lâm                                                           | - Báo cáo thẩm định số 301/BC-KH&ĐT ngày 15/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                 |              |
| 2  | Dự án xây dựng tuyến đường 179 theo quy hoạch từ đê Phú Đồng đến hết địa phận huyện Gia Lâm                                                                      |            | 1 |   | L=1650m, B=23m                                                                     | 179.749   |              | 179.749      |                                                                                       |                                  |                                  | 108.000                                                                                                     |              | 108.000      | 62.800              |            | 62.800                                                   | 2022-2025                         | UBND huyện Gia Lâm                                                           | - Báo cáo thẩm định số 305/BC-KH&ĐT ngày 15/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                 |              |
| 3  | Dự án xây dựng, hoàn chỉnh, khớp nối hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, khu công nghiệp Dương Xá A, huyện Gia Lâm (giai đoạn 2)                |            | 1 |   | L= 1.560m, B=30m                                                                   | 92.051    |              | 92.051       |                                                                                       |                                  |                                  | 55.000                                                                                                      |              | 55.000       | 32.500              |            | 32.500                                                   | 2022-2025                         | UBND huyện Gia Lâm                                                           | - Báo cáo thẩm định số 303/BC-KH&ĐT ngày 15/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                 |              |
| 4  | Dự án xây dựng tuyến đường từ đường 179, huyện Gia Lâm đến khu công nghiệp Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên                                               |            | 1 |   | L=308m, B=30m<br>(Bmd=14m, Bhe=2x8m)                                               | 61.139    |              | 61.139       |                                                                                       |                                  |                                  | 52.000                                                                                                      |              | 52.000       | 6.082               |            | 6.082                                                    | 2022-2025                         | UBND huyện Gia Lâm                                                           | - Báo cáo thẩm định số 304/BC-KH&ĐT ngày 15/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư<br>- Tờ trình số 165/TTr-UBND ngày 17/6/2022 của UBND Thành phố |              |
| 5  | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường quy hoạch 24,5m Yên Viên đến đường quy hoạch Yên Viên - Đình Xuyên - Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm          |            | 1 |   | L=1Km, B=25m                                                                       | 123.329   |              | 123.329      |                                                                                       |                                  |                                  | 74.000                                                                                                      |              | 74.000       | 43.163              |            | 43.163                                                   | 2022-2025                         | UBND huyện Gia Lâm                                                           | - Báo cáo thẩm định số 300/BC-KH&ĐT ngày 15/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                 |              |
| 6  | Dự án xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường quy hoạch 40m Đình Xuyên - Ninh Hiệp đến nút giao đê ta Đường với đường Quốc lộ 1, xã Phú Đồng, huyện Gia Lâm |            | 1 |   | L = 0,5 Km, B=25m                                                                  | 73.245    |              | 73.245       |                                                                                       |                                  |                                  | 62.000                                                                                                      |              | 62.000       | 7.500               |            | 7.500                                                    | 2022-2025                         | UBND huyện Gia Lâm                                                           | - Báo cáo thẩm định số 302/BC-KH&ĐT ngày 15/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư<br>- Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 17/6/2022 của UBND Thành phố |              |
| 7  | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Cao Lỗ đoạn từ UBND xã Uy Nỗ đến đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên, huyện Đông Anh (theo quy hoạch)                                   |            | 1 |   | L=1,35Km, B=25m                                                                    | 128.520   |              | 128.520      |                                                                                       |                                  |                                  | 81.200                                                                                                      |              | 81.200       | 34.800              |            | 34.800                                                   | 2023-2026                         | UBND huyên Đông Anh                                                          | - Báo cáo thẩm định số 291/BC-KH&ĐT ngày 10/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                 |              |
| 8  | Xây dựng tuyến đường ngoại hàng rào kết nối khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 1)                                                             |            | 1 |   | L=1,94Km, B=25,5m                                                                  | 215.762   |              | 215.762      |                                                                                       |                                  |                                  | 135.800                                                                                                     |              | 135.800      | 58.200              |            | 58.200                                                   | 2023-2026                         | UBND huyên Đông Anh                                                          | - Báo cáo thẩm định số 293/BC-KH&ĐT ngày 10/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                 |              |
| 9  | Xây dựng tuyến đường ngoại hàng rào kết nối khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 2)                                                             |            | 1 |   | L=2,9Km, B=50m                                                                     | 473.651   |              | 473.651      |                                                                                       |                                  |                                  | 298.200                                                                                                     |              | 298.200      | 127.800             |            | 127.800                                                  | 2023-2026                         | UBND huyên Đông Anh                                                          | - Báo cáo thẩm định số 292/BC-KH&ĐT ngày 10/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                 |              |
| 10 | Xây dựng tuyến đường ngoại hàng rào kết nối khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 3)                                                             |            | 1 |   | L=0,94Km, B=50m                                                                    | 166.442   |              | 166.442      |                                                                                       |                                  |                                  | 150.000                                                                                                     |              | 150.000      |                     |            |                                                          | 2022-2025                         | UBND huyên Đông Anh                                                          | - Báo cáo thẩm định số 290/BC-KH&ĐT ngày 10/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                 |              |

| TT | Dự án                                                                                                                                                        | Nhóm dự án |   |   | Năng lực thiết kế/Quy mô                                                                                                | TMDT      |              |              | Khả năng cân đối vốn cho các dự án                                                       |                                  |                                  |                                                                                                             |              |              | Thời gian thực hiện | Chủ đầu tư | Hồ sơ (Báo cáo thẩm định và Tờ trình của UBND Thành phố) | Ghi chú         |                                                        |                                                                                                                                              |              |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|---------------------|------------|----------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
|    |                                                                                                                                                              | A          | B | C |                                                                                                                         | Tổng số   | NS Thành phố | NS cấp huyện | Kế hoạch vốn ngân sách cấp Thành phố/cấp huyện đã bố trí, giải ngân từ đầu tư ần đến nay |                                  |                                  | Dự kiến cập nhật, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 so với trung hạn đã được duyệt |              |              |                     |            |                                                          |                 | Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030 |                                                                                                                                              |              |
|    |                                                                                                                                                              |            |   |   |                                                                                                                         |           |              |              | Tổng số                                                                                  | KHV trung hạn 2021-2025 đã duyệt | Trong đó KHV 2021-2022 đã bố trí | Tổng số                                                                                                     | NS Thành phố | NS cấp huyện |                     |            |                                                          |                 | Tổng số                                                | NS Thành phố                                                                                                                                 | NS cấp huyện |
| 11 | Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 3 đoạn từ cầu Lóc Ha đến dốc Văn, huyện Đông Anh                                                                                   |            | 1 |   | L=1,85Km, B=50m                                                                                                         | 392.092   |              | 392.092      |                                                                                          |                                  |                                  | 247.100                                                                                                     |              | 247.100      | 105.900             |            | 105.900                                                  | 2023-2026       | UBND huyện Đông Anh                                    | - Báo cáo thẩm định số 294/BC-KH&ĐT ngày 10/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư<br>- Tờ trình số 167/TTr-UBND ngày 20/6/2022 của UBND Thành phố |              |
| 12 | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 23B đoạn từ ngã tư Biển Thẽ đến hết địa phận huyện Đông Anh                                                                    |            | 1 |   | L=8,3Km, B=(25-50)m                                                                                                     | 1.186.196 |              | 1.186.196    |                                                                                          |                                  |                                  | 746.900                                                                                                     |              | 746.900      | 320.100             |            | 320.100                                                  | 2023-2026       | UBND huyện Đông Anh                                    | - Báo cáo thẩm định số 289/BC-KH&ĐT ngày 10/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                 |              |
| 13 | Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km191+700 đến Km193+300 qua địa ban thị trấn Thương Tín                                                                    |            | 1 |   | L=1,6 Km, B=19m, 01 cầu                                                                                                 | 499.703   |              | 499.703      |                                                                                          |                                  |                                  | 400.000                                                                                                     |              | 400.000      |                     |            |                                                          | 2022-2025       | UBND huyện Thường Tín                                  | - Báo cáo thẩm định số 316/BC-KH&ĐT ngày 17/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                 |              |
|    |                                                                                                                                                              |            |   |   |                                                                                                                         |           |              |              |                                                                                          |                                  |                                  |                                                                                                             |              |              |                     |            |                                                          |                 |                                                        |                                                                                                                                              |              |
| V  | Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật                                                                                                                                    |            | 1 | 2 |                                                                                                                         | 131.886   |              | 131.886      |                                                                                          |                                  |                                  | 118.000                                                                                                     |              | 118.000      |                     |            |                                                          |                 |                                                        |                                                                                                                                              |              |
|    | Ngân sách Quận                                                                                                                                               |            | 1 | 2 |                                                                                                                         | 131.886   |              | 131.886      |                                                                                          |                                  |                                  | 118.000                                                                                                     |              | 118.000      |                     |            |                                                          |                 |                                                        |                                                                                                                                              |              |
| 1  | Nạo vét cửa âu xuống tại khu biệt thự Tây Hồ                                                                                                                 |            |   | 1 | Nạo vét diện tích 1.395 m2                                                                                              | 14.981    |              | 14.981       |                                                                                          |                                  |                                  | 13.000                                                                                                      |              | 13.000       |                     |            |                                                          | 2022-2024       | UBND quận Tây Hồ                                       | - Báo cáo thẩm định số 214/BC-KH&ĐT ngày 10/5/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                 |              |
| 2  | Gia cố bờ mương thoát nước liên phường trên địa bàn phường Từ Liêm (đoạn từ ngõ 238 Âu Cơ đến 124 Âu Cơ) kết hợp trồng cây xanh chống tại lấn chiếm đất công |            |   | 1 | Gia cố bờ mương với chiều dài tuyến khoảng 550m. Bề rộng theo hiện trạng rộng từ 6-60 m. Diện tích đất khoảng 14.192 m2 | 74.353    |              | 74.353       |                                                                                          |                                  |                                  | 67.000                                                                                                      |              | 67.000       |                     |            |                                                          | 2022-2024       | UBND quận Tây Hồ                                       | - Báo cáo thẩm định số 308/BC-KH&ĐT ngày 15/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                 |              |
| 3  | Cải tạo vỉa hè và hạ tầng kỹ thuật hệ đường Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân                                                                                  |            |   | 1 | Cải tạo, nâng cấp đồng bộ hai bên hệ đường có tổng chiều dài khoản 2.900 m                                              | 42.552    |              | 42.552       |                                                                                          |                                  |                                  | 38.000                                                                                                      |              | 38.000       |                     |            |                                                          | 2022-2024       | UBND quận Thanh Xuân                                   | - Báo cáo thẩm định số 307/BC-KH&ĐT ngày 15/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                 |              |
|    |                                                                                                                                                              |            |   |   |                                                                                                                         |           |              |              |                                                                                          |                                  |                                  |                                                                                                             |              |              |                     |            |                                                          |                 |                                                        |                                                                                                                                              |              |
| B  | Phê duyệt điều chỉnh chủ trương                                                                                                                              |            | 3 | 4 |                                                                                                                         | 693.475   | 655.069      | 38.406       | 346.347                                                                                  | 239.271                          | 90.271                           | 218.400                                                                                                     | 202.900      | 15.500       |                     |            |                                                          |                 |                                                        |                                                                                                                                              |              |
| I  | Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp                                                                                                           |            | 1 |   |                                                                                                                         | 59.341    | 59.341       |              | 36.230                                                                                   | 23.000                           | 23.000                           | 14.300                                                                                                      | 14.300       |              |                     |            |                                                          |                 |                                                        |                                                                                                                                              |              |
| 1  | Xây dựng, cải tạo trường THPT Yên Lãng, huyện Mê Linh                                                                                                        |            |   | 1 | Xây mới 18 phòng học, cải tạo các nhà hiện trạng                                                                        | 59.341    | 59.341       |              | 36.230                                                                                   | 23.000                           | 23.000                           | 14.300                                                                                                      | 14.300       |              |                     |            |                                                          | 2019-Quý 1/2023 | Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố            | - Báo cáo thẩm định số 277/BC-KH&ĐT ngày 08/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư<br>- Tờ trình số 151/TTr-UBND ngày 17/6/2022 của UBND Thành phố |              |
|    |                                                                                                                                                              |            |   |   |                                                                                                                         |           |              |              |                                                                                          |                                  |                                  |                                                                                                             |              |              |                     |            |                                                          |                 |                                                        |                                                                                                                                              |              |
| II | Lĩnh vực văn hóa Thông tin                                                                                                                                   |            |   | 1 |                                                                                                                         | 21.875    | 21.875       |              |                                                                                          |                                  |                                  | 18.600                                                                                                      | 18.600       |              |                     |            |                                                          |                 |                                                        |                                                                                                                                              |              |

| TT  | Dự án                                                                                                                                       | Nhóm dự án |   |   | Năng lực thiết kế/Quy mô                     | TMDT    |              |              | Khả năng cân đối vốn cho các dự án                                                    |                                  |                                  |                                                                                                             |              |              |                                                        |              |              | Thời gian thực hiện                              | Chủ đầu tư                                                                                                                                                                                            | Hồ sơ (Bảo cáo thẩm định và Tờ trình của UBND Thành phố) | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---|---|----------------------------------------------|---------|--------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|--------------------------------------------------------|--------------|--------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                             | A          | B | C |                                              | Tổng số | NS Thành phố | NS cấp huyện | Kế hoạch vốn ngân sách cấp Thành phố/cấp huyện đã bố trí, giải ngân từ đầu tư đến nay |                                  |                                  | Dự kiến cấp nhật, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 so với trung hạn đã được duyệt |              |              | Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030 |              |              |                                                  |                                                                                                                                                                                                       |                                                          |         |
|     |                                                                                                                                             |            |   |   |                                              |         |              |              | Tổng số                                                                               | KHV trung hạn 2021-2025 đã duyệt | Trong đó KHV 2021-2022 đã bố trí | Tổng số                                                                                                     | NS Thành phố | NS cấp huyện | Tổng số                                                | NS Thành phố | NS cấp huyện |                                                  |                                                                                                                                                                                                       |                                                          |         |
| I   | Cải tạo, nâng cấp Cung Thanh niên Hà Nội tại số 37, phố Trần Bình Trọng, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội                        |            |   | I | Cải tạo, nâng cấp                            | 21.875  | 21.875       |              |                                                                                       |                                  |                                  | 18.600                                                                                                      | 18.600       |              |                                                        |              | 2022-2023    | Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố      | - Bảo cáo thẩm định số 275/BC-KH&ĐT ngày 08/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                                                                          |                                                          |         |
|     |                                                                                                                                             |            |   |   |                                              |         |              |              |                                                                                       |                                  |                                  |                                                                                                             |              |              |                                                        |              |              |                                                  |                                                                                                                                                                                                       |                                                          |         |
| III | Lĩnh vực Thủy lợi                                                                                                                           |            |   | I |                                              | 54.956  | 54.956       |              | 40.000                                                                                | 40.000                           |                                  | 4.000                                                                                                       | 4.000        |              |                                                        |              |              |                                                  |                                                                                                                                                                                                       |                                                          |         |
| I   | Nâng cấp, mở rộng hệ thống công trình và trạm bơm Đình Thông, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội                                               |            |   | I | Tưới 368ha                                   | 54.956  | 54.956       |              | 40.000                                                                                | 40.000                           |                                  | 4.000                                                                                                       | 4.000        |              |                                                        |              | 2022-2024    | UBND huyện Sóc Sơn                               | - Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 22/3/2022 của UBND Thành phố, - Bảo cáo thẩm định số 104/BC-KH&ĐT ngày 16/3/2022, Văn bản rà soát, bổ sung số 2655/KH&ĐT-KTN ngày 16/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư. |                                                          |         |
|     |                                                                                                                                             |            |   |   |                                              |         |              |              |                                                                                       |                                  |                                  |                                                                                                             |              |              |                                                        |              |              |                                                  |                                                                                                                                                                                                       |                                                          |         |
| IV  | Lĩnh vực giao thông                                                                                                                         |            | 2 | 2 |                                              | 557.303 | 518.897      | 38.406       | 270.117                                                                               | 176.271                          | 67.271                           | 181.500                                                                                                     | 166.000      | 15.500       |                                                        |              |              |                                                  |                                                                                                                                                                                                       |                                                          |         |
| I   | Dự án Cải tạo, nâng cấp ngõ 66 Thanh Am, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội                                                        |            |   | I | L=273m, B=17,5m                              | 38.406  |              | 38.406       | 22.391                                                                                | 17.271                           | 17.271                           | 15.500                                                                                                      |              | 15.500       |                                                        |              | 2019-2023    | UBND Quận Long Biên                              | - Tờ trình số 148/TTr-UBND ngày 16/6/2022 của UBND Thành phố trình HĐND Thành phố, - Bảo cáo thẩm định số 287/BC-KH&ĐT ngày 10/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                       |                                                          |         |
| 2   | Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu 72-II trên đường tỉnh 423                                                                              |            |   | I | Lc=172,5m,B=15m, đường đầu cầu L=07Km, B=21m | 260.278 | 260.278      |              | 85.000                                                                                | 85.000                           |                                  | 108.000                                                                                                     | 108.000      |              |                                                        |              | 2022-2025    | Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình GT Thành phố | - Bảo cáo thẩm định số 306/BC-KH&ĐT ngày 15/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                                                                          |                                                          |         |
| 3   | Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Tân Phú bắc qua sông Đáy, huyện Quốc Oai                                                               |            |   | I | L=120,4m, B=9,0 m                            | 58.009  | 58.009       |              | 24.000                                                                                | 24.000                           |                                  | 23.000                                                                                                      | 23.000       |              |                                                        |              | 2022-2024    | BQLDA ĐTXDCTGT Thành phố                         | - Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 05/4/2022 của UBND Thành phố trình HĐND Thành phố, - Bảo cáo thẩm định số 142/BC-KH&ĐT ngày 31/3/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                        |                                                          |         |
| 4   | Cải tạo, chỉnh trang đường tỉnh lộ 427 đoạn từ QL21 B đến nút giao Khê Hối (đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ) trên địa bàn huyện Thường Tín |            |   | I | L=2,66Km, B=22,5- -38m                       | 200.610 | 200.610      |              | 138.726                                                                               | 50.000                           | 50.000                           | 35.000                                                                                                      | 35.000       |              |                                                        |              | 2018-2023    | UBND huyện Thường Tín                            | - Bảo cáo thẩm định số 317/BC-KH&ĐT ngày 17/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                                                                          |                                                          |         |
|     |                                                                                                                                             |            |   |   |                                              |         |              |              |                                                                                       |                                  |                                  |                                                                                                             |              |              |                                                        |              |              |                                                  |                                                                                                                                                                                                       |                                                          |         |

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số  
dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội**

DỰ THẢO

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Theo đề nghị của UBND thành phố Hà Nội tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2022 về phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số /HĐND-KTNS ngày tháng 6 năm 2022, của Ban Kinh tế - Ngân sách; Báo cáo giải trình số /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2022 của UBND Thành phố và ý kiến thảo luận của các Đại biểu HĐND Thành phố.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư của 36 dự án (gồm: 22 dự án nhóm B, 14 dự án nhóm C), tổng mức đầu tư dự kiến 6.584.323 triệu đồng.

*(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư của 07 dự án (gồm 03 dự án nhóm B, 04 dự án nhóm C), tổng mức đầu tư dự kiến 693.475 triệu đồng.

*(Chi tiết tại các phụ lục kèm theo)*

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

**1.** Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết:

a) Chỉ đạo các đơn vị được giao nhiệm vụ Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan thực hiện: Rà soát, chuẩn xác quy mô, nội dung đầu tư, có giải pháp đấu nối thích hợp, khớp nối đồng bộ, lựa chọn phương án, giải pháp kỹ thuật phù hợp, đảm bảo không trùng lặp và tiết kiệm, hiệu quả và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định; xác định nguồn gốc đất đai, xây dựng phương án, kinh phí giải phóng mặt bằng đảm bảo đúng chế độ, chính sách hiện hành; trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan; trong công tác

lập, trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án cần lưu ý thực hiện (hoặc giải trình việc không thực hiện) ý kiến của các sở, ngành đã đóng góp tại bước lập, trình, thẩm định, thẩm tra, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

b) Chỉ đạo các sở, ngành liên quan căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao: Thường xuyên rà soát tiến độ đầu tư của các dự án. Tăng cường kiểm tra nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách tránh lãng phí, thất thoát trong quá trình đầu tư xây dựng công trình; hướng dẫn, phối hợp cùng Chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án; giải quyết các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi giúp Chủ đầu tư hoàn thành dự án đảm bảo đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng công trình.

c) Trong công tác xây dựng, cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm và hàng năm cần cân đối nguồn vốn ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp huyện (đối với các dự án sử dụng ngân sách cấp huyện) theo tiến độ đảm bảo hoàn thành các dự án theo thời gian thực hiện dự án đã được phê duyệt. Việc sử dụng các nguồn vốn có thể huy động thêm (nguồn cải cách tiền lương chưa sử dụng, vốn vay nhân rồi Kho bạc Nhà nước, Quỹ dự trữ tài chính,...) cần được lập đề án cụ thể, trình cấp có thẩm quyền và HĐND Thành phố quyết định theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày      tháng 7 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực Thành ủy; Thường trực HĐND TP;
- UBND, UB MTTQ Thành phố;
- Các Ban Đảng; các Ban HĐND Thành phố;
- Các vị Đại biểu HĐND TP;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND TP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố; Cổng GTĐT TP;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Tuấn**

Phụ lục  
**DANH MỤC DỰ ÁN HNDN THÀNH PHỐ PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**  
**TẠI KỶ HỌP THỨ 5 CỦA HNDN THÀNH PHỐ KHÓA XVI, NHIỆM KỶ 2021-2026**  
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT          | Dự án                                                                                                                                                                                                                                                                              | Nhóm dự án |           |           | Tổng mức đầu tư  |                  |                  | Thời gian thực hiện | Chủ đầu tư                                       | Ghi chú       |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------|------------------|---------------------|--------------------------------------------------|---------------|
|             |                                                                                                                                                                                                                                                                                    | A          | B         | C         | Tổng số          | NS Thành phố     | NS cấp huyện     |                     |                                                  |               |
| 1           | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3          | 4         | 5         | 6                | 7                | 8                | 9                   | 10                                               | 11            |
|             | <b>Tổng cộng (A+B)</b>                                                                                                                                                                                                                                                             |            | <b>25</b> | <b>18</b> | <b>7.277.798</b> | <b>3.380.635</b> | <b>3.897.163</b> |                     |                                                  |               |
| <b>A</b>    | <b>Phê duyệt chủ trương đầu tư</b>                                                                                                                                                                                                                                                 |            | <b>22</b> | <b>14</b> | <b>6.584.323</b> | <b>2.725.566</b> | <b>3.858.757</b> |                     |                                                  |               |
| <b>I</b>    | <b>Lĩnh vực quốc phòng</b>                                                                                                                                                                                                                                                         |            | <b>1</b>  |           | <b>85.000</b>    | <b>85.000</b>    |                  |                     |                                                  |               |
| 1           | Dự án lĩnh vực quốc phòng                                                                                                                                                                                                                                                          |            | 1         |           | 85.000           | 85.000           |                  |                     |                                                  | Dự án tối mật |
| <b>II</b>   | <b>Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>                                                                                                                                                                                                                          |            | <b>1</b>  |           | <b>81.555</b>    | <b>81.555</b>    |                  |                     |                                                  |               |
| 1           | Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Đa Phúc, huyện Sóc Sơn                                                                                                                                                                                                                               |            | 1         |           | 81.555           | 81.555           |                  | 2022-2025           | UBND huyện Sóc Sơn                               | Phụ lục 1     |
| <b>III</b>  | <b>Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình</b>                                                                                                                                                                                                                                           |            | <b>1</b>  |           | <b>780.123</b>   | <b>780.123</b>   |                  |                     |                                                  |               |
| 1           | Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất                                                                                                                                                                                                                               |            | 1         |           | 780.123          | 780.123          |                  | 2022-2026           | UBND huyện Thạch Thất                            | Phụ lục 2     |
| <b>IV</b>   | <b>Lĩnh vực Văn hóa Thông tin</b>                                                                                                                                                                                                                                                  |            | <b>2</b>  |           | <b>119.390</b>   | <b>119.390</b>   |                  |                     |                                                  |               |
| 1           | Bảo tồn, tôn tạo di tích đình Ngự Triều Di Quy và Am Mỹ Châu tại khu di tích Thành Cổ Loa                                                                                                                                                                                          |            | 1         |           | 61.308           | 61.308           |                  | 2022-2025           | Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội     | Phụ lục 3     |
| 2           | Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đền An Dương Vương tại khu di tích Thành Cổ Loa                                                                                                                                                                                                         |            | 1         |           | 58.082           | 58.082           |                  | 2022-2025           | Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội     | Phụ lục 4     |
| <b>V</b>    | <b>Lĩnh vực Thể dục - Thể thao</b>                                                                                                                                                                                                                                                 |            | <b>2</b>  |           | <b>339.395</b>   | <b>339.395</b>   |                  |                     |                                                  |               |
| 1           | Cải tạo, nâng cấp Nhà ở vận động viên đơn nguyên 1,2,3,4 Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao Hà Nội                                                                                                                                                                   |            | 1         |           | 271.060          | 271.060          |                  | 2022-2025           | Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố      | Phụ lục 5     |
| 2           | Cải tạo, nâng cấp công trình khu nhà tập luyện 3 tầng                                                                                                                                                                                                                              |            | 1         |           | 68.335           | 68.335           |                  | 2022-2025           | Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng Thành phố      | Phụ lục 6     |
| <b>VI</b>   | <b>Lĩnh vực đề điều, thủy lợi</b>                                                                                                                                                                                                                                                  |            | <b>1</b>  | <b>8</b>  | <b>901.462</b>   | <b>901.462</b>   |                  |                     |                                                  |               |
| <b>VI.1</b> | <b>Lĩnh vực đề điều</b>                                                                                                                                                                                                                                                            |            | <b>1</b>  | <b>2</b>  | <b>535.367</b>   | <b>535.367</b>   |                  |                     |                                                  |               |
| 1           | Xử lý sạt lở khu vực thượng lưu kè Thanh Am (tương ứng K4+200 đến K4+500 đê hữu Đuống), thuộc địa bàn phường Thượng Thanh, quận Long Biên và hạ lưu kè Tỉnh Quang (tương ứng từ K6+500 đến K6+900 đê hữu Đuống), thuộc địa bàn phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội |            |           | 1         | 33.386           | 33.386           |                  | 2022-2024           | UBND quận Long Biên                              | Phụ lục 7     |
| 2           | Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Hồng đoạn từ K48+165 đến K64+126 thuộc địa bàn huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội                                                                                                                                                                      |            | 1         |           | 478.000          | 478.000          |                  | 2023-2026           | UBND huyện Đông Anh                              | Phụ lục 8     |
| 3           | Xử lý sự cố sạt lở bờ hữu sông Hồng tương ứng từ K94+010 đến K94+389 đê hữu Hồng, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội                                                                                                                                                               |            |           | 1         | 23.981           | 23.981           |                  | 2023-2025           | UBND huyện Thường Tín                            | Phụ lục 9     |
| <b>VI.2</b> | <b>Lĩnh vực thủy lợi</b>                                                                                                                                                                                                                                                           |            |           | <b>6</b>  | <b>366.095</b>   | <b>366.095</b>   |                  |                     |                                                  |               |
| 1           | Kiến cố mái, mặt tả bờ sông Lương kết hợp giao thông từ trạm bơm Đồng Lạc đến cầu Hòa Thượng, huyện Phú Xuyên                                                                                                                                                                      |            |           | 1         | 34.949           | 34.949           |                  | 2023-2025           | Ban QLDA ĐTXD CT Hạ tầng kỹ thuật và Nông nghiệp | Phụ lục 10    |
| 2           | Nạo vét, gia cố bờ kênh tiêu trạm bơm Vĩnh Mộ trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội                                                                                                                                                                                      |            |           | 1         | 77.635           | 77.635           |                  | 2023-2025           | UBND huyện Thường Tín                            | Phụ lục 11    |

| TT        | Dự án                                                                                                                                                            | Nhóm dự án |           |          | Tổng mức đầu tư  |                |                  | Thời gian thực hiện | Chủ đầu tư                        | Ghi chú                       |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|----------|------------------|----------------|------------------|---------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
|           |                                                                                                                                                                  | A          | B         | C        | Tổng số          | NS Thành phố   | NS cấp huyện     |                     |                                   |                               |
| 3         | Dự án Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu dẫn vào các trạm bơm; tiêu Trại Ro, tiêu Thông Đạt, tiêu Cấn Hạ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội                              |            |           | 1        | 66.354           | 66.354         |                  | 2023-2025           | UBND huyện Quốc Oai               | Phụ lục 12                    |
| 4         | Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Vực Giang - sông Tích, huyện Thạch Thất.                                                                                    |            |           | 1        | 47.657           | 47.657         |                  | 2023-2025           | UBND huyện Thạch Thất             | Phụ lục 13                    |
| 5         | Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu N22 kết hợp làm đường giao thông, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội                                                            |            |           | 1        | 79.500           | 79.500         |                  | 2023-2025           | UBND huyện Chương Mỹ              | Phụ lục 14                    |
| 6         | Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới tiêu trạm bơm Đầm Mới, huyện Chương Mỹ.                                                                                          |            |           | 1        | 60.000           | 60.000         |                  | 2023-2025           | UBND huyện Chương Mỹ              | Phụ lục 15                    |
| <b>VI</b> | <b>Lĩnh vực giao thông</b>                                                                                                                                       |            | <b>13</b> | <b>4</b> | <b>4.145.512</b> | <b>418.641</b> | <b>3.726.871</b> |                     |                                   |                               |
| <b>a</b>  | <b>Ngân sách cấp Thành phố</b>                                                                                                                                   |            | <b>1</b>  | <b>3</b> | <b>418.641</b>   | <b>418.641</b> |                  |                     |                                   |                               |
| 1         | Dự án xây dựng, lắp đặt hệ thống thiết bị cân kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ thuộc địa bàn Thành phố                                                       |            | 1         |          | 315.695          | 315.695        |                  | 2022-2024           | Sở Giao thông vận tải             | Phụ lục 16                    |
| 2         | Cải tạo, bổ sung kết nối tín hiệu giao thông đường bộ với đường sắt để đảm bảo an toàn giao thông các điểm giao cắt giữa đường bộ với đường sắt                  |            |           | 1        | 24.600           | 24.600         |                  | 2022-2025           | Sở Giao thông vận tải             | Phụ lục 17                    |
| 3         | Đầu tư, xây dựng lắp đặt hệ thống cửa chắn ke ga tại các nhà ga trên tuyến Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh - Hà Đông                                     |            |           | 1        | 7.968            | 7.968          |                  | 2022-2023           | Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội | Phụ lục 18                    |
| 4         | Hỗ trợ quản lý vận hành, khai thác tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - ga Hà Nội (Giai đoạn sau khi bàn giao đoạn trên cao)            |            |           | 1        | 70.378           | 70.378         |                  | 2022-2023           | Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội | Phụ lục 19                    |
| <b>b</b>  | <b>Ngân sách cấp huyện</b>                                                                                                                                       |            | <b>12</b> | <b>1</b> | <b>3.726.871</b> |                | <b>3.726.871</b> |                     |                                   |                               |
| 1         | Dự án xây dựng tuyến đường gom chạy dọc Quốc lộ 3 mới từ địa phận huyện Đông Anh đến giao tuyến đường quy hoạch 20,5m, huyện Gia Lâm                             |            | 1         |          | 134.992          |                | 134.992          | 2022-2025           | UBND huyện Gia Lâm                | Phụ lục 20<br>Ngân sách Huyện |
| 2         | Dự án xây dựng tuyến đường 179 theo quy hoạch từ đê Phù Đồng đến hết địa phận huyện Gia Lâm                                                                      |            | 1         |          | 179.749          |                | 179.749          | 2022-2025           | UBND huyện Gia Lâm                | Phụ lục 21<br>Ngân sách Huyện |
| 3         | Dự án xây dựng, hoàn chỉnh, khớp nối hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, khu công nghiệp Dương Xá A, huyện Gia Lâm (giai đoạn 2)                |            | 1         |          | 92.051           |                | 92.051           | 2022-2025           | UBND huyện Gia Lâm                | Phụ lục 22<br>Ngân sách Huyện |
| 4         | Dự án xây dựng tuyến đường từ đường 179, huyện Gia Lâm đến khu công nghiệp Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên                                               |            | 1         |          | 61.139           |                | 61.139           | 2022-2025           | UBND huyện Gia Lâm                | Phụ lục 23<br>Ngân sách Huyện |
| 5         | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường quy hoạch 24,5m Yên Viên đến đường quy hoạch Yên Viên - Đình Xuyên - Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm          |            | 1         |          | 123.329          |                | 123.329          | 2022-2025           | UBND huyện Gia Lâm                | Phụ lục 24<br>Ngân sách Huyện |
| 6         | Dự án xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường quy hoạch 40m Đình Xuyên - Ninh Hiệp đến nút giao đê tả Đuống với đường Quốc lộ 1, xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm |            |           | 1        | 73.245           |                | 73.245           | 2022-2025           | UBND huyện Gia Lâm                | Phụ lục 25<br>Ngân sách Huyện |
| 7         | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Cao Lỗ đoạn từ UBND xã Uy Nỗ đến đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên, huyện Đông Anh (theo quy hoạch)                                   |            | 1         |          | 128.520          |                | 128.520          | 2023-2026           | UBND huyện Đông Anh               | Phụ lục 26<br>Ngân sách Huyện |
| 8         | Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 1)                                                             |            | 1         |          | 215.762          |                | 215.762          | 2023-2026           | UBND huyện Đông Anh               | Phụ lục 27<br>Ngân sách Huyện |
| 9         | Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 2)                                                             |            | 1         |          | 473.651          |                | 473.651          | 2023-2026           | UBND huyện Đông Anh               | Phụ lục 28<br>Ngân sách Huyện |
| 10        | Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 3)                                                             |            | 1         |          | 166.442          |                | 166.442          | 2022-2025           | UBND huyện Đông Anh               | Phụ lục 29<br>Ngân sách Huyện |
| 11        | Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 3 đoạn từ cầu Lộc Hà đến dốc Vân, huyện Đông Anh                                                                                       |            | 1         |          | 392.092          |                | 392.092          | 2023-2026           | UBND huyện Đông Anh               | Phụ lục 30<br>Ngân sách Huyện |

| TT         | Dự án                                                                                                                                                        | Nhóm dự án |          |          | Tổng mức đầu tư |                |                | Thời gian thực hiện | Chủ đầu tư                                       | Ghi chú                       |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------|----------|-----------------|----------------|----------------|---------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------|
|            |                                                                                                                                                              | A          | B        | C        | Tổng số         | NS Thành phố   | NS cấp huyện   |                     |                                                  |                               |
| 12         | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 23B đoạn từ ngã tư Biển Thề đến hết địa phận huyện Đông Anh                                                                    |            | 1        |          | 1.186.196       |                | 1.186.196      | 2023-2026           | UBND huyện Đông Anh                              | Phụ lục 31<br>Ngân sách Huyện |
| 13         | Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km191+700 đến Km193+300 qua địa bàn thị trấn Thường Tín                                                                    |            | 1        |          | 499.703         |                | 499.703        | 2022-2025           | UBND huyện Thường Tín                            | Phụ lục 32<br>Ngân sách Huyện |
| <b>V</b>   | <b>Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</b>                                                                                                                             |            | <b>1</b> | <b>2</b> | <b>131.886</b>  |                | <b>131.886</b> |                     |                                                  |                               |
|            | <b>Ngân sách Quận</b>                                                                                                                                        |            | <b>1</b> | <b>2</b> | <b>131.886</b>  |                | <b>131.886</b> |                     |                                                  |                               |
| 1          | Nạo vét cửa âu xuống tại khu biệt thự Tây Hồ                                                                                                                 |            |          | 1        | 14.981          |                | 14.981         | 2022-2024           | UBND quận Tây Hồ                                 | Phụ lục 33<br>Ngân sách Huyện |
| 2          | Gia cố bờ mương thoát nước liên phường trên địa bàn phường Tứ Liên (đoạn từ ngõ 238 Âu Cơ đến 124 Âu Cơ) kết hợp trồng cây xanh chống tái lấn chiếm đất công |            | 1        |          | 74.353          |                | 74.353         | 2022-2024           | UBND quận Tây Hồ                                 | Phụ lục 34<br>Ngân sách Huyện |
| 3          | Cải tạo vỉa hè và hạ tầng kỹ thuật hệ đường Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân                                                                                  |            |          | 1        | 42.552          |                | 42.552         | 2022-2024           | UBND quận Thanh Xuân                             | Phụ lục 35<br>Ngân sách Huyện |
| <b>B</b>   | <b>Phê duyệt điều chỉnh chủ trương</b>                                                                                                                       |            | <b>3</b> | <b>4</b> | <b>693.475</b>  | <b>655.069</b> | <b>38.406</b>  |                     |                                                  |                               |
| <b>I</b>   | <b>Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>                                                                                                    |            | <b>1</b> |          | <b>59.341</b>   | <b>59.341</b>  |                |                     |                                                  |                               |
| 1          | Xây dựng, cải tạo trường THPT Yên Lãng, huyện Mê Linh                                                                                                        |            | 1        |          | 59.341          | 59.341         |                | 2019-Quý I/2023     | Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố      | Phụ lục 36                    |
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực văn hóa Thông tin</b>                                                                                                                            |            |          | <b>1</b> | <b>21.875</b>   | <b>21.875</b>  |                |                     |                                                  |                               |
| 1          | Cải tạo, nâng cấp Cung Thanh niên Hà Nội tại số 37, phố Trần Bình Trọng, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội                                         |            |          | 1        | 21.875          | 21.875         |                | 2022-2023           | Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố      | Phụ lục 37                    |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>                                                                                                                                     |            |          | <b>1</b> | <b>54.956</b>   | <b>54.956</b>  |                |                     |                                                  |                               |
| 1          | Nâng cấp, mở rộng hệ thống công trình và trạm bơm Đình Thông, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội                                                                |            |          | 1        | 54.956          | 54.956         |                | 2022-2024           | UBND huyện Sóc Sơn                               | Phụ lục 38.<br>Ngân sách Quận |
| <b>IV</b>  | <b>Lĩnh vực giao thông</b>                                                                                                                                   |            | <b>2</b> | <b>2</b> | <b>557.303</b>  | <b>518.897</b> | <b>38.406</b>  |                     |                                                  |                               |
| 1          | Dự án Cải tạo, nâng cấp ngõ 66 Thanh Am, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội                                                                         |            |          | 1        | 38.406          |                | 38.406         | 2019-2023           | UBND Quận Long Biên                              | Phụ lục 39<br>Ngân sách Quận  |
| 2          | Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu 72-II trên đường tỉnh 423                                                                                               |            | 1        |          | 260.278         | 260.278        |                | 2022-2025           | Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình GT Thành phố | Phụ lục 40                    |
| 3          | Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Tân Phú bắc qua sông Đáy, huyện Quốc Oai                                                                                |            |          | 1        | 58.009          | 58.009         |                | 2022-2024           | Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình GT Thành phố | Phụ lục 41                    |
| 4          | Cải tạo, chỉnh trang đường tỉnh lộ 427 đoạn từ QL21 B đến nút giao Khê Hồi (đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ) trên địa bàn huyện Thường Tín                  |            | 1        |          | 200.610         | 200.610        |                | 2018-2023           | UBND huyện Thường Tín                            | Phụ lục 42                    |

**Phụ lục 1**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Đa Phúc, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội**  
*(Kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND Thành phố)*

---

1. Mục tiêu đầu tư: Tăng cường cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu dạy và học của Trường THPT Đa Phúc, huyện Sóc Sơn.

2. Quy mô đầu tư (dự kiến):

Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất đáp ứng quy mô đào tạo 43 lớp học - 1.935 học sinh. Phá dỡ 02 khối nhà học cũ xây dựng năm 1987 và 1996; Xây mới: nhà học (26 phòng học và 14 phòng học bộ môn), nhà hành chính quản trị và phục vụ học tập; Cải tạo: nhà thể chất, nhà hiệu bộ cũ (chuyển đổi công năng thành thư viện và nhà học học 06 phòng bộ môn); hoàn thiện hệ thống sân vườn, đường nội bộ, công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, thiết bị.

Các hạng mục phá dỡ phải được kiểm định chất lượng công trình và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận; Quy mô dự án chỉ được xác định chính xác khi có đầy đủ tài liệu khảo sát, thiết kế tính toán và so sánh, lựa chọn giải pháp thiết kế trên cơ sở tối ưu về kinh tế và đảm bảo phù hợp với các quy định chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, không để thất thoát lãng phí đầu tư.

3. Nhóm dự án: B.

4. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 81.555 triệu đồng

(tám mươi một tỷ, năm trăm năm mươi lăm triệu đồng)

5. Nguồn vốn đầu tư dự án: Ngân sách Thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Tại khu đất hiện có của Trường THPT Đa Phúc, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện dự án: 2022 - 2025.

8. Chủ đầu tư: UBND huyện Sóc Sơn.

**Phụ lục 2**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất.**  
*(Kèm theo Nghị quyết số      NQ-HĐND ngày      /      /2022 của HĐND Thành phố)*

---

1. Mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng bệnh viện đa khoa quy mô **500 giường** (350 giường xây mới và 150 giường cải tạo) đạt tiêu chí bệnh viện đa khoa hạng II theo Quyết định 1895/1997/QĐ-BYT về việc ban hành quy chế bệnh viện của Bộ trưởng Bộ Y tế gồm 29 chuyên khoa và 6 phòng chức năng, với cơ sở vật chất hiện đại, trang thiết bị tiên tiến, đội ngũ y bác sĩ có trình độ chuyên môn cao, chất lượng phục vụ chuyên nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- Thực hiện chức năng của một bệnh viện Đa khoa với các hoạt động khám, điều trị nội trú và ngoại trú, cung cấp các dịch vụ về y tế, nhận bệnh nhân trong mọi tình trạng và chỉ chuyển đi khi đã cấp cứu nếu cần thiết hoặc không thuộc phạm vi hoạt động chuyên môn cụ thể.

- Góp phần đa dạng hóa các loại hình khám chữa bệnh, tạo điều kiện cho nhân dân được lựa chọn các dịch vụ y tế phù hợp với điều kiện và yêu cầu của mình. Tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Nhằm góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XVII của Đảng bộ thành phố Hà Nội và Chương trình 08/CTr-TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội.

2. Quy mô đầu tư (dự kiến):

Dự án sau khi được đầu tư xây dựng sẽ đạt tiêu chuẩn của Bệnh viện quy mô 500 giường (350 giường xây mới và 150 giường cải tạo).

*\* Phần GPMB:*

Đền bù, giải phóng mặt bằng, thu hồi diện tích đất khoảng 28.000m<sup>2</sup>.

*\* Các hạng mục dự kiến phá dỡ:*

- + Phá dỡ Nhà khoa ngoại 2 tầng (Nhà A7).
- + Phá dỡ Nhà khoa HSCC 2 tầng (Nhà A8).
- + Phá dỡ Nhà hội trường 2 tầng (Nhà A5).
- + Phá dỡ Nhà khoa nội 2 tầng (Nhà A2).
- + Phá dỡ Nhà khoa nhi 2 tầng (Nhà A3).
- + Phá dỡ Nhà khoa dinh dưỡng + xử lý chất thải lỏng (Nhà A4).

*\* Các hạng mục cải tạo:*

- + Cải tạo Tòa nhà A1: Nhà 5 tầng với diện tích 6.818 m<sup>2</sup> (cải tạo thành khoa khám bệnh và điều trị ngoại trú + cấp cứu).

+ Cải tạo nhà A6 thành Nhà khoa truyền nhiễm.

+ Cải tạo nhà tang lễ, trạm điện.

\* *Các hạng mục dự kiến xây mới:*

+ San nền, kè đá.

+ Xây dựng các Khoa: Khám bệnh, hồi sức cấp cứu, nội tổng hợp, tim mạch - lão học, truyền nhiễm, lao, da liễu, thần kinh, tâm thần, y học cổ truyền, nhi, ngoại tổng hợp, phẫu thuật - gây mê hồi sức, phụ sản, tai - mũi - họng, răng - hàm - mặt, mắt, vật lý trị liệu - phục hồi chức năng, ung bướu, huyết học, hóa sinh, vi sinh, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng, nội soi, giải phẫu bệnh, chống nhiễm khuẩn, dược, dinh dưỡng.

+ Xây dựng các Phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, y tá (điều dưỡng), vật tư thiết bị y tế, tổ chức cán bộ, hành chính quản trị, tài chính kế toán.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà.

+ Đầu tư mua sắm, lắp đặt trang thiết bị y tế, thiết bị văn phòng.

+ Đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy cho các hạng mục công trình chính.

+ Nhà bảo quản tử thi.

+ Các hạng mục phụ trợ: Sân, cổng, tường rào, đường giao thông nội bộ, cây xanh, bồn hoa, hệ thống xử lý chất thải rắn, hệ thống xử lý chất thải lỏng, hệ thống cấp thoát nước trong và ngoài nhà, hệ thống cấp điện trong và ngoài nhà, khu đốt rác, hệ thống điện nhẹ, thiết bị điện nhẹ, camera an ninh...

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 780.123 triệu đồng.

5. Nguồn vốn đầu tư dự án: Ngân sách Thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Kim Quan, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện dự án: Giai đoạn 2022 - 2026.

8. Chủ đầu tư: UBND huyện Thạch Thất.

**Phụ lục 3**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Bảo tồn, tôn tạo di tích đình Ngự Triều Di Quy và Am Mỹ Châu**  
**tại khu di tích Thành Cổ Loa**

(Kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND Thành phố)

1. Mục tiêu đầu tư: Bảo vệ và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật của di tích đình Ngự Triều Di Quy và Am Mỹ Châu theo quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích Thành Cổ Loa được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1004/QĐ-TTg ngày 3/7/2015; góp phần nâng cao giá trị của Di tích, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá tinh thần của nhân dân, phục vụ được khách thăm quan du lịch, giáo dục truyền thống uống nước, nhớ nguồn cho nhân dân địa phương và du khách thập phương.

2. Quy mô đầu tư (dự kiến):

- Tu bổ, tôn tạo các hạng mục chính gồm: Nghi môn, Đại đình, Nhà tả vu, Am thờ Mỹ Châu.

- Tu bổ, tôn tạo sân vườn trong và ngoài nội tự, di chuyển bể hóa vàng, nhà bán vé sang vị trí phù hợp, tôn tạo hạ tầng kỹ thuật, tường rào, khu phụ trợ công cộng, chống mối, PCCC....

3. Nhóm dự án: B.

4. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 61.308 triệu đồng.

5. Nguồn vốn đầu tư dự án: Ngân sách Thành phố

6. Địa điểm thực hiện dự án: trong khuôn viên di tích Đình Ngự Triều Di Quy – xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2025.

8. Chủ đầu tư: Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long – Hà Nội.

**Phụ lục 4**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đền An Dương Vương**  
**tại khu di tích Thành Cổ Loa**

(Kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND Thành phố)

1. Mục tiêu đầu tư: Bảo vệ và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật của cụm di tích đền An Dương Vương theo quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích Thành Cổ Loa được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1004/QĐ-TTg ngày 3/7/2015; góp phần nâng cao giá trị của Di tích, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá tinh thần của nhân dân, phục vụ được khách thăm quan du lịch, giáo dục truyền thống uống nước, nhớ nguồn cho nhân dân địa phương và du khách thập phương.

2. Quy mô đầu tư (dự kiến):

- Tu bổ, tôn tạo Hồ nước và Giếng ngọc.
- Tu bổ, tôn tạo các hạng mục trong khuôn viên đền An Dương Vương gồm: Nghi môn, Tiền từ đệ nhất, Đền Thượng, Nhà Tả - Hữu vu, Nhà Tả - hữu mạc, Nhà bia, Mất rồng, Hố khảo cổ lò đúc đồng, Nhà bếp và Nhà vệ sinh.
- Tu bổ, tôn tạo sân vườn, tường rào, cây xanh, kè đá và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bổ sung hệ thống PCCC, phòng chống mối mọt công trình.

3. Nhóm dự án: B.

4. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 58.082 triệu đồng.

5. Nguồn vốn đầu tư dự án: Ngân sách Thành phố

6. Địa điểm thực hiện dự án: trong khuôn viên di tích cụm di tích đền An Dương Vương – xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2025.

8. Chủ đầu tư: Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long – Hà Nội.

**Phụ lục 5**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Cải tạo, nâng cấp Nhà ở vận động viên đơn nguyên 1, 2, 3, 4**  
**Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao Hà Nội**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND Thành phố)

---

1. Mục tiêu đầu tư: Cải tạo, nâng cấp Nhà ở vận động viên số 1, 2, 3, 4 tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao Hà Nội phục vụ đào tạo vận động viên thành phố Hà Nội đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng công trình đáp ứng nhu cầu ăn ở, sinh hoạt của các vận động viên trong quá trình tập luyện.

2. Quy mô đầu tư (dự kiến):

Điều chỉnh công năng một số phòng kho thành phòng ở cho phù hợp với công năng sử dụng; Dóc vữa, trát và lại phần vữa trát tường rêu mốc, bong tróc vữa trát; Sơn lại toàn bộ công trình; Ốp gạch toàn bộ tường trong các phòng cao đến sát trần; Làm mới toàn bộ trần các phòng bằng trần thạch cao, tháo dỡ và làm mới trần thạch cao hành lang sảnh các tầng; Cải tạo, chống thấm mái, sê nô, lô gia, ban công; Bóc dỡ, lát mới lớp gạch chống nóng, thay mới toàn bộ mái tôn và mái nhựa; Phá dỡ bể nước ngầm đã nứt vỡ và xây dựng mới bể nước ngầm bê tông cốt thép, bổ sung máy bơm nước sinh hoạt và PCCC; Cải tạo cửa đi ra lô gia của các phòng đơn nguyên 1 đảm bảo đồng bộ với cửa đi, cửa sổ của đơn nguyên 2, 3, 4; Thay thế toàn bộ các cửa sắt, cửa nhôm kính cũ, các cửa đi vào các phòng; Vệ sinh toàn bộ bậc cầu thang bộ; Sửa chữa, sơn lại toàn bộ lan can thang, lan can hành lang, hoa sắt ban công; Làm mới toàn bộ hệ thống cấp điện, bổ sung các đèn chiếu sáng bảo vệ gắn trên tường nhà; Thay mới toàn bộ thiết bị nội thất phục vụ sinh hoạt của vận động viên; Bổ sung hệ thống rèm che cho các phòng; Các phòng vệ sinh: Phá dỡ, làm mới hộp kỹ thuật, làm mới hệ thống cấp thoát nước, chống thấm khu vệ sinh, Ốp lát lại toàn bộ gạch lát nền sàn và gạch ốp tường các khu vệ sinh, thay mới toàn bộ thiết bị vệ sinh, thay mới trần nhựa thành trần thạch cao chống ẩm; Hạng mục PCCC, điện nhẹ và điều hòa không khí: Thay mới toàn bộ hệ thống điều hòa, thông gió, thông gió hồng; Cải tạo, sửa chữa hệ thống PCCC, thay mới các thiết bị PCCC hồng.

3. Nhóm dự án: B.

4. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 271.060 triệu đồng.

5. Nguồn vốn đầu tư dự án: Ngân sách Thành phố

6. Địa điểm thực hiện dự án: Trong khuôn viên Trung tâm huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao Hà Nội – Phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2025.

8. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng thành phố Hà Nội.

**Phụ lục 6**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Cải tạo, nâng cấp công trình khu nhà tập luyện 3 tầng**  
(Kèm theo Nghị quyết số      NQ-HĐND ngày      /      /2022 của HĐND Thành phố)

---

1. Mục tiêu đầu tư: Cải tạo, nâng cấp công trình khu nhà tập luyện 3 tầng đảm bảo về cơ sở vật chất phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo, tập luyện các vận động viên thành phố Hà Nội.

2. Quy mô đầu tư (dự kiến):

- Công trình nhà 03 tầng: bóc, lát lại toàn bộ gạch lát nền, chống mối tầng 1; dóc vữa, trát, bả và sơn hoàn thiện tường, trần; tháo dỡ cửa đi, cửa sổ và thay mới bằng cửa nhôm kính; cải tạo hệ thống điện; cải tạo hệ thống vì kèo thép mái.

- Công trình tập luyện Pencak silat, cử tạ và thể dục dụng cụ: Tháo dỡ, thay toàn bộ tôn lợp mái, thay mới hệ thống thu thoát nước mái; sơn lại hệ thống vì kèo thép, thay mới vách kính, cửa chớp bằng nhôm kính; tróc vữa, trát lại toàn bộ tường nhà, thay mới 05 cửa D1 ra vào; làm lại hệ thống điện, chiếu sáng; cải tạo nền bê tông cho phù hợp với khu vực luyện tập cử tạ; bóc, thay mới lớp gỗ sàn bằng sàn cao su chuyên dụng; bóc, làm lại toàn bộ gạch + bậc granito của 4 sảnh; xây tường ngăn chia khu vực cử tạ và Pencak silat, ốp toàn bộ tường mới; lắp thêm một số bóng chiếu sáng, thay mới thảm tập; sơn lại hệ thống công trình cửa sổ, lắp đặt hệ thống camera an ninh.

- Các phòng vệ sinh: Bóc, lát hoàn thiện lại toàn bộ gạch lát nền cũ; bóc, ốp hoàn thiện toàn bộ vữa trát và gạch ốp tường; tháo dỡ, thay mới đường ống, thiết bị vệ sinh, tháo dỡ, thay thế trần cũ bằng trần nhôm.

- Hạng mục PCCC, điện nhẹ và điều hòa không khí: bổ sung hệ thống chữa cháy bằng nước, thay thế bình chữa cháy, hộp đựng, nội quy, tiêu lệnh, nội quy PCCCC, tủ báo cháy trung tâm, dây tín hiệu báo cháy, thiết bị báo cháy, thiết bị đèn exit, sự cố xuống cấp, cửa chống cháy; thay mới hệ thống điều hòa hồng, không hoạt động, kém mát, thay mới đường ống, bảo dưỡng điều hòa còn sử dụng được; thay mới hệ thống thông gió, bổ sung điều hòa trung tâm cho công trình phòng tập; bổ sung hệ thống điện nhẹ.

3. Nhóm dự án: B.

4. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 68.335 triệu đồng .

5. Nguồn vốn đầu tư dự án: Ngân sách Thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: trong khuôn viên Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT - Phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2025.

8. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng thành phố Hà Nội.

## **Phụ lục 7**

### **Chủ trương đầu tư dự án**

**Xử lý sạt lở khu vực thượng lưu kè Thanh Am (tương ứng K4+200 đến K4+500 đê hữu Đuống), thuộc địa bàn phường Thượng Thanh, quận Long Biên và hạ lưu kè Tình Quang (tương ứng từ K6+500 đến K6+900 đê hữu Đuống), thuộc địa bàn phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, thành phố Hà Nội.**

*(Kèm theo nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2022 của HĐND Thành phố)*

---

1. Mục tiêu đầu tư: Ngăn chặn tình trạng sạt lở, ổn định thể sông; tăng cường khả năng chống lũ, đảm bảo an toàn, ổn định lâu dài cho tuyến đê hữu Đuống cũng như các công trình giao thông trong khu vực; bảo vệ người và tài sản của nhà nước, nhân dân; tạo cảnh quan, cải thiện môi trường trong khu vực.

2. Quy mô đầu tư:

- Công trình bảo vệ bờ cấp III;

- Xử lý sạt lở khu vực thượng lưu kè Thanh Am (tương ứng K4+200 đến K4+500 đê hữu Đuống), thuộc địa bàn phường Thượng Thanh, quận Long Biên và hạ lưu kè Tình Quang (tương ứng từ K6+500 đến K6+900 đê hữu Đuống), thuộc địa bàn phường Giang Biên, quận Long Biên với hình thức hộ chân, lát mái, chiều dài khoảng 700m, trong đó:

+ Đoạn 1 khu vực thượng lưu kè Thanh Am (tương ứng K4+200 đến K4+500 đê hữu Đuống), thuộc địa bàn phường Thượng Thanh, quận Long Biên dài khoảng 300m.

+ Đoạn 2 khu vực hạ lưu kè Tình Quang (tương ứng từ K6+500 đến K6+900 đê hữu Đuống), thuộc địa bàn phường Giang Biên, dài khoảng 400m.

3. Dự án nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 33.386 triệu đồng.

5. Nguồn vốn: Ngân sách Thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2024.

8. Chủ đầu tư: UBND quận Long Biên.

**Phụ lục 8**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Hồng đoạn từ K48+165 đến K64+126**  
**thuộc địa bàn huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.**  
*(Kèm theo nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2022 của HĐND Thành phố)*

---

1. Mục tiêu đầu tư: Dự án nhằm đảm bảo an toàn đê điều, phòng chống lụt bão, chống lấn chiếm hành lang đê, tạo cảnh quan môi trường, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông trên địa bàn huyện Đông Anh, phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, từng bước hoàn thiện mạng lưới đường giao thông theo quy hoạch, tăng chỉ tiêu, mật độ đường giao thông, góp phần đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, đáp ứng một trong những tiêu chí trong đề án đầu tư xây dựng huyện Đông Anh thành Quận và các đề án thành phần trong giai đoạn 2020-2025.

2. Quy mô đầu tư: Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Hồng đoạn từ K48+165 đến K64+126 thuộc địa bàn huyện Đông Anh, với tổng chiều dài tuyến khoảng 16km.

+ Đoạn 1: Từ K48+165 đến K56+415 (từ ranh giới huyện Mê Linh và huyện Đông Anh đến ngã ba vào UBND xã Hải Bối), chiều dài khoảng 8,25m, mở rộng mặt đê B= 11m.

+ Đoạn 2: Từ K56+415 đến K58+165 (nối tiếp đoạn 1 đến cuối làng Phương Trạch), chiều dài khoảng 1,75km, mở rộng mặt đê B=18,5m.

+ Đoạn 3: Từ K58+165 đến K59+265 (nối tiếp đoạn 2 đến đường Võ Nguyên Giáp), chiều dài khoảng 1,1km, mở rộng mặt đê B= 7,5m, xây dựng đường chân đê phi dân cư B=28m.

+ Đoạn 4: Từ K59+265 đến K62+465 (nối tiếp đoạn 3 đến ngã ba đường vào UBND xã Xuân Canh), chiều dài khoảng 3,2km, mở rộng mặt đê B=18,5m.

+ Đoạn 5: Từ K62+465 đến K64+126 (nối tiếp đoạn 4 đến cuối tuyến nối với đê sông Đuống), chiều dài khoảng 1,66km, mở rộng mặt đê B= 11m.

- Các hạng mục đầu tư: Xây dựng nền, mặt đường, xây dựng các công trình phục vụ quản lý, hệ thống chiếu sáng, các hạng mục đảm bảo an toàn giao thông, khớp nối đồng bộ các công trình hạ tầng liên quan.

3. Dự án nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 478.000 triệu đồng.

5. Nguồn vốn: Ngân sách Thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2026.

8. Chủ đầu tư: UBND huyện Đông Anh.

## **Phụ lục 9**

### **Chủ trương đầu tư dự án**

#### **Xử lý sự cố sạt lở bờ hữu sông Hồng tương ứng từ K94+010 đến K94+389 đê hữu Hồng, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội**

*(Kèm theo nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2022 của HĐND Thành phố)*

---

1. Mục tiêu đầu tư: Chống sạt lở bờ sông, đảm bảo an toàn và thuận lợi trong công tác phòng, chống thiên tai; bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ cơ sở hạ tầng, quỹ đất canh tác và phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dự án.

2. Quy mô đầu tư:

- Công trình bảo vệ bờ cấp III;

- Kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng tương ứng từ K94+010 đến K94+389 đê hữu Hồng, huyện Thường Tín với hình thức hộ chân, lát mái, chiều dài khoảng 320m.

3. Dự án nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 23.981 triệu đồng.

5. Nguồn vốn: Ngân sách Thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2025.

8. Chủ đầu tư: UBND huyện Thường Tín.

## **Phụ lục 10**

### **Chủ trương đầu tư dự án**

#### **Kiên cố mái, mặt tả bờ sông Lương kết hợp giao thông từ trạm bơm Đồng Lạc đến cầu Hòa Thượng, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội**

*(Kèm theo nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /6/2022 của HĐND Thành phố)*

---

1. Mục tiêu đầu tư: Ngăn chặn tình trạng sạt lở, giữ ổn định tuyến bờ tả sông Lương; đảm bảo yêu cầu cấp nước tưới cho 1.238ha đất nông nghiệp và tiêu cho 4.500ha đất tự nhiên của huyện Phú Xuyên; kiên cố hóa đoạn bờ sông đảm bảo an toàn, thuận lợi cho công tác quản lý vận hành công trình thủy lợi; góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dự án.

#### 2. Quy mô đầu tư:

- Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thủy lợi) cấp III;
- Kiên cố mái, mặt tả bờ sông Lương đoạn từ trạm bơm Đồng Lạc đến cầu Hòa Thượng thuộc xã Minh Tân, huyện Phú Xuyên, chiều dài khoảng 950m; khớp nối đồng bộ hai đầu tuyến công trình với hệ thống hạ tầng giao thông, thủy lợi trong khu vực; xây dựng 01 cống tiêu tại K0+350.

#### 3. Dự án nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 34.949 triệu đồng.

5. Nguồn vốn: Ngân sách Thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2025.

8. Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp thành phố Hà Nội.

## **Phụ lục 11**

### **Chủ trương đầu tư dự án**

**Nạo vét, gia cố bờ kênh tiêu trạm bơm Vĩnh Mộ trên địa bàn**

**huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội**

*(Kèm theo nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2022 của HĐND Thành phố)*

---

1. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo chủ động tiêu úng cho 1.946ha đất tự nhiên thuộc xã Nguyễn Trãi, Lê Lợi, Chương Dương, Quất Động, Thắng Lợi thuộc huyện Thường Tín; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra; kiên cố hóa bờ kênh đảm bảo an toàn, thuận lợi cho công tác quản lý vận hành công trình thủy lợi; góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dự án.

2. Quy mô đầu tư:

- Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thủy lợi) cấp IV;
- Nạo vét, gia cố bờ kênh chống sạt lở, cứng hóa mặt bờ kênh Vĩnh Mộ kết hợp giao thông nông thôn đoạn từ Quốc lộ 1A đến công trình đầu mối tại K38+460 bờ tả sông Nhuệ, dài khoảng 2.700m

3. Dự án nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 77.635 triệu đồng.

5. Nguồn vốn: Ngân sách Thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2025.

8. Chủ đầu tư: UBND huyện Thường Tín.

## **Phụ lục 12**

### **Chủ trương đầu tư dự án**

#### **Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu dẫn vào các trạm bơm: tiêu Trại Ro, tiêu Thông Đạt, tiêu Cấn Hạ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội**

*(Kèm theo nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2022 của HĐND Thành phố)*

---

1. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo dẫn nước tiêu thoát kịp thời cho diện tích 2.677ha thuộc hệ thống tiêu vùng trũng gồm các xã: Nghĩa Hương, Cấn Hữu, Ngọc Mỹ, Ngọc Liệp, Liệp Tuyết; đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp, nâng cao hiệu quả phục vụ của các trạm bơm tiêu đầu mối như trạm bơm Trại Ro, Thông Đạt, Cấn Hạ; khớp nối với hạ tầng các tuyến đường giao thông chính trong huyện tạo mạng lưới giao thông khép kín, thúc đẩy dịch vụ vận tải phát triển, tạo diện mạo mới cho cơ sở hạ tầng nông thôn khu vực, đồng thời góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện Quốc Oai.

#### 2. Quy mô đầu tư:

- Cải tạo, nâng cấp tổng chiều dài tuyến công trình khoảng 7.040 m; trong đó tuyến kênh tiêu trạm bơm Trại Ro tổng chiều dài 1.240m, tuyến kênh tiêu trạm bơm Thông Đạt tổng chiều dài 2.750m, tuyến kênh tiêu trạm bơm Cấn Hạ tổng chiều dài 3.050 m. Cải tạo nâng cấp các công trình trên kênh, tuyến phụ đầu nối đồng bộ hệ thống công trình.

- Các hạng mục đầu tư chủ yếu: Nạo vét bùn đắp, đắp tu bờ bờ kênh, cứng hóa mặt bờ kênh kết hợp giao thông, kè gia cố bờ kênh, cải tạo, nâng cấp công trình trên tuyến kênh và các công trình phụ trợ phục vụ quản lý và vận hành.

#### 3. Dự án nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 66.354 triệu đồng.

5. Nguồn vốn: Ngân sách Thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2025.

8. Chủ đầu tư: UBND huyện Quốc Oai

**Phụ lục 13**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu**  
**Vực Giang – sông Tích, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.**  
(Kèm theo nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2022 của HĐND Thành phố)

---

1. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo việc thoát nước 3.200 ha đất tự nhiên của khu công nghệ cao Hoà Lạc và các vùng lân cận, cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho 380ha các xã Hạ Bằng, Đồng Trúc, khắc phục tình trạng ngập úng về mùa mưa, hạn hán về mùa kiệt, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp, cải thiện môi trường sinh thái, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Quy mô đầu tư:

Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Vực Giang – sông Tích chiều dài khoảng 5km; nạo vét tuyến kênh từ cống xả trạm bơm Hạ Bằng đến cầu Cống Đầm chiều dài khoảng 1,5km; xây dựng 02 cầu: cầu Cống Đầm và cầu Đồng Trúc; xây dựng đập tràn Vai Ngòi; cải tạo, nâng cấp 02 tuyến đường thuộc xã Hạ Bằng và 01 tuyến đường quản lý, vận hành đập tràn Vai Ngòi.

3. Dự án nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 47.657 triệu đồng.

5. Nguồn vốn: Ngân sách Thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2025.

8. Chủ đầu tư: UBND huyện Thạch Thất.

**Phụ lục 14**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu N22 kết hợp làm đường giao thông,**  
**huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.**  
*(Kèm theo nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2022 của HĐND Thành phố)*

---

1. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo chủ động tiêu cho 2.234 ha khu tiêu trạm bơm tiêu An Vọng, chống ngập úng, ổn định sản xuất, cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội địa phương.
2. Quy mô đầu tư:  
Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu N22 với chiều dài khoảng 6.395m; nâng cấp gia cố bờ kênh kết hợp làm đường giao thông với chiều dài khoảng 5.357m; cải tạo, nâng cấp các công trình trên kênh.
3. Dự án nhóm C.
4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 79.500 triệu đồng.
5. Nguồn vốn: Ngân sách Thành phố.
6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.
7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2025.
8. Chủ đầu tư: UBND huyện Chương Mỹ .

**Phụ lục 15**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu**  
**trạm bơm Đầm Mới, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.**  
*(Kèm theo nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2022 của HĐND Thành phố)*

---

1. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo tiêu chủ động cho 394 ha đất tự nhiên, cấp nước tưới cho 124 ha đất nông nghiệp, nâng cấp mặt bờ kênh kết hợp giao thông nông thôn, tạo điều kiện sản xuất nông nghiệp, thuận lợi cho việc đi lại của người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Quy mô đầu tư:

Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu trạm bơm Đầm Mới, đảm bảo tiêu chủ động cho 394 ha đất tự nhiên, cấp nước cho 124 ha đất nông nghiệp, bao gồm các hạng mục: Xây dựng công trình đầu mối tưới, tiêu trạm bơm Đầm Mới; cải tạo, nâng cấp các tuyến kênh tưới, kênh tiêu kết hợp làm đường giao thông nông thôn; cải tạo, sửa chữa các công trình trên kênh đảm bảo yêu cầu quản lý, vận hành. (Phương án kỹ thuật được xem xét cụ thể trong quá trình lập Dự án).

3. Dự án nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 60.000 triệu đồng.

5. Nguồn vốn: Ngân sách Thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2025.

8. Chủ đầu tư: UBND huyện Chương Mỹ .

**Phụ lục 16**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Xây dựng, lắp đặt hệ thống thiết bị cân kiểm soát tải trọng xe**  
**trên đường bộ thuộc địa bàn Thành phố**  
(Kèm theo Nghị quyết số        /NQ-HĐND ngày        của HĐND Thành phố)

---

1. Mục tiêu đầu tư:

Xây dựng, lắp đặt hệ thống thiết bị cân để kiểm soát tải trọng xe một cách tự động, hạn chế tình trạng xe quá tải nhằm bảo vệ và duy trì tuổi thọ khai thác của các tuyến đường hiện có, đảm bảo mạng lưới giao thông được thông suốt, giảm tai nạn giao thông, và sớm lập lại trật tự kỷ cương trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

2. Quy mô đầu tư:

Xây dựng, Lắp đặt hệ thống thiết bị cân tự động kiểm soát tải trọng xe tại 04 vị trí:

- Khu vực đầu cầu phía Bắc cầu Thăng Long và các nhánh lên xuống đường dẫn cầu, huyện Đông Anh;

- Khu vực nút giao Nguyễn Khoái - Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai;

- Khu vực Km 41+00 đường Quốc Lộ 32, thị xã Sơn Tây;

- Khu vực Km 4+800 đường Quốc Lộ 21, thị xã Sơn Tây;

Bao gồm các thiết bị đo (cân động WIM, hệ thống thu nhập và ghi dữ liệu cân WIM, camare), hệ thống phần mềm quản lý, phân tích, lưu trữ và xuất kết quả đo; xây dựng mặt đường bê tông xi măng tại vị trí lắp đặt cân để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật hạ tầng vùng cân; lắp đặt hệ thống giá long môn, cọc tiêu, biển báo, sơn kẻ điều khiển giao thông tại các trạm cân.

3. Nhóm Dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **315.695 triệu đồng.**

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách Thành phố.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Các quận, huyện, thị xã: Hoàng Mai, Đông Anh, Sơn Tây.

7. Thời gian thực hiện Dự án: Năm 2022-2024.

8. Chủ đầu tư Dự án: Sở Giao thông Vận tải Hà Nội.

- Đại diện chủ đầu tư: Ban duy tu các công trình hạ tầng giao thông.

**Phụ lục 17**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Cải tạo, bổ sung kết nối tín hiệu giao thông đường bộ với đường sắt để đảm**  
**bảo an toàn giao thông các điểm giao cắt giữa đường bộ với đường sắt**  
(Kèm theo Nghị quyết số        /NQ-HĐND ngày        của HĐND Thành phố)

---

1. Mục tiêu đầu tư:

Cải tạo, sửa chữa hệ thống đèn tín hiệu giao thông để kết nối hạ tầng giao thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội để đảm bảo trật tự an toàn giao thông tại các điểm giao cắt giữa đường bộ và đường sắt.

2. Quy mô đầu tư: Bổ sung, cải tạo hệ thống điều khiển đèn tín hiệu giao thông hiện có, kết nối tín hiệu điều khiển giao thông đường bộ với tín hiệu đường sắt tại 15 nút giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Nhóm Dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **24.600 triệu đồng.**

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách Thành phố.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện Dự án: Năm 2022-2025.

8. Chủ đầu tư Dự án: Sở Giao thông Vận tải Hà Nội.

- Đại diện chủ đầu tư: Ban duy tu các công trình hạ tầng giao thông.

**Phụ lục 18**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Đầu tư, xây dựng lắp đặt hệ thống cửa chắn ke ga tại các nhà ga trên**  
**tuyến Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh - Hà Đông**  
(Kèm theo Nghị quyết số            /NQ-HĐND ngày            của HĐND Thành phố)

1. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư lắp đặt hệ thống cửa chắn ke ga nhằm hoàn chỉnh công năng sử dụng của các nhà ga trong quá trình vận hành khai thác thương mại, nâng cao độ an toàn cho hành khách trong quá trình lên xuống tàu, giúp hoạt động tác nghiệp của nhân viên vận hành ga được thuận lợi đồng thời góp phần mang lại sự văn minh, hiện đại cho các nhà ga, khuyến khích hành khách đi tàu nhiều hơn.

2. Quy mô đầu tư

Xây dựng, lắp đặt hệ thống cửa chắn ke ga cố định với cấu tạo dạng Panel cao 1,5m tại 12 nhà ga trên tuyến ĐSĐT số 2A, Cát Linh – Hà Đông (Quy mô đầu tư công trình sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập dự án đầu tư xây dựng công trình).

3. Nhóm Dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **7.968 triệu đồng.**

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách Thành phố.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Trong phạm vi của khu vực ke ga nằm dọc 2 bên vị trí đỗ dừng tàu cho khách lên xuống tại các nhà ga dọc theo tuyến đường sắt đô thị số 2A Cát Linh - Hà Đông.

7. Thời gian thực hiện Dự án: Năm 2022-2023.

8. Chủ đầu tư Dự án: Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội.

## **Phụ lục 19**

### **Chủ trương đầu tư dự án**

**Hỗ trợ quản lý vận hành, khai thác tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn - ga Hà Nội (Giai đoạn sau khi bàn giao trên cao)**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày của HĐND Thành phố)*

---

1. Mục tiêu đầu tư: Dự án nhằm mục tiêu lựa chọn ra đơn vị tư vấn, ưu tiên liên danh tư vấn quốc tế và tư vấn trong nước (việc có tư vấn trong nước và các chuyên gia Việt Nam tham gia dự án nhằm nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho người Việt, học hỏi các kinh nghiệm của nước ngoài để từng bước làm chủ các công nghệ, hỗ trợ sâu hơn ở các dự án sau này) có đủ năng lực kinh nghiệm thực hiện hỗ trợ công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội trong quá trình: Vận hành khai thác tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn – ga Hà Nội trong thời gian đầu, bao gồm: ứng phó, giải quyết các sự cố và đảm bảo an toàn, nâng cao độ tin cậy; Hỗ trợ nâng cao năng lực đội ngũ của công ty kiện toàn hệ thống quản lý, vận hành, khai thác tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn – ga Hà Nội.

2. Quy mô đầu tư: Tuyển chọn thông qua đấu thầu rộng rãi quốc tế để thuê nhà thầu Tư vấn cung cấp dịch vụ hỗ trợ công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội quản lý, vận hành khai thác tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhổn - ga Hà Nội đoạn trên cao. Tổng số chuyên gia sẽ tham gia hỗ trợ: 28 chuyên gia cả trong nước và nước ngoài có năng lực, trình độ kinh nghiệm phù hợp. Trong đó, các vị trí bố trí từ 2 chuyên gia trở lên thì yêu cầu chỉ bố trí 1 chuyên gia nước ngoài còn lại là các chuyên gia Việt Nam. Các chuyên gia này sẽ được bố trí để hỗ trợ 14 vị trí công việc. Thời gian các chuyên gia hỗ trợ vận hành, bảo trì sửa chữa là 12 tháng. Lưu ý: Rà soát tránh sự trùng lặp hợp đồng tư vấn SYSTRA đã ký.

3. Nhóm Dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **70.378 triệu đồng.**

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách Thành phố.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn – ga Hà Nội (Giai đoạn sau khi bàn giao đoạn trên cao), thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện Dự án: Năm 2022-2023.

8. Chủ đầu tư Dự án: Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội.

**Phụ lục 20**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Xây dựng tuyến đường gom chạy dọc Quốc lộ 3 mới từ địa phận huyện Đông**  
**Anh đến giao tuyến đường quy hoạch 20,5m, huyện Gia Lâm.**  
(Kèm theo Nghị quyết số \_\_\_\_\_/NQ-HĐND ngày \_\_\_\_\_ của HĐND Thành phố)

1. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng tuyến đường nhằm từng bước hoàn thiện mạng lưới hạ tầng giao thông của huyện Gia Lâm theo các quy hoạch được duyệt, góp phần hiện thực hóa việc phát triển huyện Gia Lâm thành Quận theo đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tăng cường khả năng kết nối, phát huy hiệu quả đầu tư các tuyến đường giao thông khung của Thành phố nói chung và của huyện Gia Lâm nói riêng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Quy mô đầu tư dự kiến: Giải phóng mặt bằng, xây dựng tuyến đường với tổng chiều dài khoảng  $L=2,308\text{km}$ , quy mô mặt cắt ngang  $B=16\text{m}$  (bao gồm  $B$  mặt đường  $B=7\text{m}$ ,  $B$  hè  $B=8\text{m}$ ,  $B$  lề đất  $1,0\text{m}$ ). Bao gồm các hạng mục: nền, mặt đường, vỉa hè, cây xanh, tổ chức giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng.

3. Nhóm Dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **134.992 triệu đồng.**

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách huyện Gia Lâm.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện Dự án: 2022-2025.

8. Chủ đầu tư Dự án: UBND huyện Gia Lâm.

**Phụ lục 21**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Xây dựng tuyến đường 179 theo quy hoạch từ đê Phù Đồng**  
**đến hết địa phận huyện Gia Lâm**  
(Kèm theo Nghị quyết số      /NQ-HĐND ngày      của HĐND Thành phố)

---

1. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng tuyến đường nhằm từng bước hoàn thiện mạng lưới hạ tầng giao thông của huyện Gia Lâm theo các quy hoạch được duyệt, góp phần hiện thực hóa việc phát triển huyện Gia Lâm thành Quận theo đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tăng cường khả năng kết nối, phát huy hiệu quả đầu tư các tuyến đường giao thông khung của Thành phố nói chung và của huyện Gia Lâm nói riêng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Quy mô đầu tư dự kiến: Giải phóng mặt bằng, di chuyển các công trình ngầm nổi. Xây dựng tuyến đường với điểm đầu từ đường hành lang chân đê Đuống (Trạm bơm tiêu Phù Đồng), điểm cuối Khu công nghiệp Vsip, tổng chiều dài khoảng  $L=1.650m$ ,  $B=23,0m$ . Đầu tư các hạng mục đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch: Đường giao thông, hè, vỉa, cây xanh, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước... Cải tạo tuyến mương tiêu Phù Đồng theo quy hoạch; hoàn trả mương tiêu Cầu Trạc – Phù Đồng và vượt nối với tuyến đường hiện trạng  $B=30m$  thuộc khu công nghiệp Vsip Bắc Ninh.

3. Nhóm Dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **179.749 triệu đồng.**

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách huyện Gia Lâm.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện Dự án: 2022-2025.

8. Chủ đầu tư Dự án: UBND huyện Gia Lâm.

**Phụ lục 22**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Xây dựng hoàn chỉnh, khớp nối hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, khu công nghiệp Dương Xá A, huyện Gia Lâm (giai đoạn 2)**  
(Kèm theo Nghị quyết số           /NQ-HĐND ngày            của HĐND Thành phố)

1. Mục tiêu đầu tư: Khớp nối, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông của khu công nghiệp, kết nối khu công nghiệp với các tuyến đường hiện có trong khu vực, giảm áp lực giao thông cho Quốc lộ 5, đáp ứng nhu cầu phát triển khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, khu công nghiệp Dương Xá A. Đồng thời tạo điều kiện giao thông thuận lợi cho người dân địa phương và các doanh nghiệp sản xuất trong khu công nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Quy mô đầu tư dự kiến: Giải phóng mặt bằng, di chuyển ngầm nổi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Xây dựng 03 tuyến đường đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, tổng chiều dài khoảng L=1.560m với các hạng mục: đường giao thông, hè, vỉa, cây xanh, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước... cụ thể:

- Tuyến số 1: Điểm đầu giao với Quốc lộ 5, điểm cuối giao với tuyến 3 thuộc dự án “*Xây dựng hoàn chỉnh, khớp nối hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, khu công nghiệp Dương Xá A, huyện Gia Lâm*” với chiều dài khoảng L1=920m; B=30m.

- Tuyến số 2: Điểm đầu giao với Quốc lộ 5, điểm cuối giao với tuyến đường 30m đang xây dựng thuộc dự án “*Xây dựng hoàn chỉnh, khớp nối hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, khu công nghiệp Dương Xá A, huyện Gia Lâm*”; chiều dài khoảng L2=290m; bề rộng mặt đường tối đa theo hiện trạng.

- Tuyến số 3: Điểm đầu giao tuyến số 1, điểm cuối giao đường Nguyễn Huy Nhuận; chiều dài khoảng L3=350m; B=22m.

3. Nhóm Dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **92.051 triệu đồng.**

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách huyện Gia Lâm.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện Dự án: 2022-2025.

8. Chủ đầu tư Dự án: UBND huyện Gia Lâm.

**Phụ lục 23**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Xây dựng tuyến đường từ đường 179, huyện Gia Lâm**  
**đến khu công nghiệp Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên**  
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày của HĐND Thành phố)

---

1. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng tuyến đường nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống mạng lưới hạ tầng giao thông theo các quy hoạch đã được phê duyệt, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương, tạo điều kiện đi lại thuận lợi cho người dân, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chuyển dịch kinh tế theo cơ cấu đô thị hóa. Tăng cường giao lưu kinh tế - xã hội giữa huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội và huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

2. Quy mô đầu tư dự kiến: Giải phóng mặt bằng, xây dựng tuyến đường với tổng chiều dài tuyến khoảng  $L=0,308\text{km}$ , quy mô mặt cắt ngang  $B=30\text{m}$  (bao gồm  $B$  mặt đường  $B=14\text{m}$ ,  $B$  hè  $B=2 \times 8\text{m}=16\text{m}$ ). Đầu tư các hạng mục: nền, mặt đường, vỉa hè, cây xanh, tổ chức giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, hào kỹ thuật.

3. Nhóm Dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **61.139 triệu đồng.**

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách huyện Gia Lâm.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện Dự án: 2022-2025.

8. Chủ đầu tư Dự án: UBND huyện Gia Lâm.

**Phụ lục 24**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Đầu tư xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường quy hoạch 24,5m**  
**Yên Viên đến đường quy hoạch Yên Viên - Đình Xuyên - Ninh Hiệp,**  
**huyện Gia Lâm**  
(Kèm theo Nghị quyết số        /NQ-HĐND ngày        của HĐND Thành phố)

---

1. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng tuyến đường nhằm từng bước hoàn thiện, đồng bộ theo quy hoạch hệ thống hạ tầng của huyện, nâng cao hiệu quả đầu tư của các dự án đã và đang triển khai, góp phần đẩy nhanh việc phát triển huyện Gia Lâm thành Quận theo đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, kết nối các tuyến hạ tầng khung của huyện, tạo điều kiện đi lại thuận lợi, đảm bảo an toàn cho người dân, nâng cao chất lượng đời sống cho nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện Gia Lâm nói riêng và thành phố nói chung.

2. Quy mô đầu tư dự kiến: Giải phóng mặt bằng, xây dựng tuyến đường theo quy hoạch 25m với tổng chiều dài khoảng  $L=1,0\text{km}$ , quy mô  $B=25\text{m}$  (bao gồm mặt đường  $B=2\times 7,50=15,0\text{m}$ , vỉa hè  $B=2\times 5,0=10,0\text{m}$ ), đầu tư các hạng mục: đường giao thông, vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước, hào kỹ thuật, trụ cứu hỏa; chỉnh trang hệ thống điện, viễn thông nằm trên phạm vi dự án; di chuyển các công trình ngầm nội phục vụ công tác giải phóng mặt bằng.

3. Nhóm Dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **123.329 triệu đồng.**

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách huyện Gia Lâm.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện Dự án: 2022-2025.

8. Chủ đầu tư Dự án: UBND huyện Gia Lâm.

**Phụ lục 25**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường quy hoạch 40m**  
**Đình Xuyên - Ninh Hiệp đến nút giao đê tả Đuống với đường Quốc lộ 1,**  
**xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm**  
(Kèm theo Nghị quyết số            /NQ-HĐND ngày            của HĐND Thành phố)

1. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng tuyến đường nhằm từng bước hoàn thiện mạng lưới hạ tầng giao thông của huyện Gia Lâm theo các quy hoạch được duyệt, cải thiện giao thông đi lại, tạo điều kiện đi lại thuận lợi, an toàn cho người dân, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Quy mô đầu tư dự kiến: Giải phóng mặt bằng, xây dựng tuyến đường, bao gồm các hạng mục: nền, mặt đường, vỉa hè, cây xanh, tổ chức giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng... với tổng chiều dài khoảng L=0,5km, quy mô mặt cắt ngang B=25m.

3. Nhóm Dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **73.245 triệu đồng.**

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách huyện Gia Lâm.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện Dự án: 2022-2025.

8. Chủ đầu tư Dự án: UBND huyện Gia Lâm.

**Phụ lục 26**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Cao Lỗ đoạn từ UBND xã Uy Nỗ**  
**đến đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên, huyện Đông Anh (theo quy hoạch)**  
(Kèm theo Nghị quyết số            /NQ-HĐND ngày            của HĐND Thành phố)

1. Mục tiêu đầu tư: Hoàn thiện tuyến đường theo quy hoạch được duyệt; kết nối giao thông trong khu vực và tạo điều kiện đi lại thuận lợi; giảm thiểu ùn tắc, tai nạn giao thông; góp phần phát triển kinh tế - xã hội; cải thiện cảnh quan, môi trường; tạo ra bộ mặt đô thị văn minh - hiện đại;....

2. Quy mô đầu tư

- Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch với chiều dài khoảng **L=1,35Km**, mặt cắt ngang rộng **B=25m** ( $B_{\text{mặt}}=15\text{m}$ ,  $B_{\text{hè}}=2 \times 5=10\text{m}$ ).

- Xây dựng và lắp đặt hệ thống an toàn giao thông; đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật (cây xanh, chiếu sáng, thoát nước,...).

3. Nhóm Dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **128.520 triệu đồng**.

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách huyện Đông Anh.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Huyện Đông Anh.

7. Thời gian thực hiện Dự án: Năm 2023-2026.

8. Chủ đầu tư Dự án: UBND huyện Đông Anh.

**Phụ lục 27**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối**  
**khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 1)**  
(Kèm theo Nghị quyết số            /NQ-HĐND ngày            của HĐND Thành phố)

1. Mục tiêu đầu tư: Hoàn thiện tuyến đường theo quy hoạch được duyệt; kết nối giao thông trong khu vực và tạo điều kiện đi lại thuận lợi; giảm thiểu ùn tắc, tai nạn giao thông trong khu vực; góp phần phát triển kinh tế - xã hội; cải thiện cảnh quan, môi trường; tạo ra bộ mặt đô thị văn minh - hiện đại; hoàn thiện hệ thống hạ tầng trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp Bắc Thăng Long góp phần thu hút đầu tư;....

2. Quy mô đầu tư: Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch với chiều dài khoảng **L=1,948Km**, mặt cắt ngang rộng **B=25,5m** ( $B_{\text{mặt}}=7,5\text{m}$ ,  $B_{\text{hệ trái}}=3,0\text{m}$ ,  $B_{\text{hệ phải}}=15,0\text{m}$ ); xây dựng và lắp đặt hệ thống an toàn giao thông; đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật (cây xanh, chiếu sáng, thoát nước,...).

3. Nhóm Dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **215.762 triệu đồng**.

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách huyện Đông Anh.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Huyện Đông Anh.

7. Thời gian thực hiện Dự án: Năm 2023-2026.

8. Chủ đầu tư Dự án: UBND huyện Đông Anh.

**Phụ lục 28**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối**  
**khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 2)**  
(Kèm theo Nghị quyết số        /NQ-HĐND ngày        của HĐND Thành phố)

---

1. Mục tiêu đầu tư: Hoàn thiện tuyến đường theo quy hoạch được duyệt; kết nối giao thông trong khu vực và tạo điều kiện đi lại thuận lợi; giảm thiểu ùn tắc, tai nạn giao thông trong khu vực; góp phần phát triển kinh tế - xã hội; cải thiện cảnh quan, môi trường; tạo ra bộ mặt đô thị văn minh - hiện đại hoàn thiện hệ thống hạ tầng trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp Bắc Thăng Long góp phần thu hút đầu tư;....

2. Quy mô đầu tư: Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch với chiều dài khoảng **L=2,9Km**, mặt cắt ngang rộng **B=50m** ( $B_{\text{mặt}}=2 \times 11,25=22,5\text{m}$ ,  $B_{\text{hệ}}=2 \times 8=16,0\text{m}$ ,  $B_{\text{phân cách}}=11,5\text{m}$ ); xây dựng và lắp đặt hệ thống an toàn giao thông; đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật (cây xanh, chiếu sáng, thoát nước,...).

3. Nhóm Dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **473.651 triệu đồng**.

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách huyện Đông Anh.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Huyện Đông Anh.

7. Thời gian thực hiện Dự án: Năm 2023-2026.

8. Chủ đầu tư Dự án: UBND huyện Đông Anh.

**Phụ lục 29**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Xây dựng tuyến đường ngoài hàng rào kết nối**  
**khu công nghiệp Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh (tuyến 3)**  
(Kèm theo Nghị quyết số        /NQ-HĐND ngày        của HĐND Thành phố)

---

1. Mục tiêu đầu tư: Hoàn thiện tuyến đường theo quy hoạch được duyệt; kết nối giao thông trong khu vực và tạo điều kiện đi lại thuận lợi; giảm thiểu ùn tắc, tai nạn giao thông trong khu vực; góp phần phát triển kinh tế - xã hội; cải thiện cảnh quan, môi trường; tạo ra bộ mặt đô thị văn minh - hiện đại;....

2. Quy mô đầu tư: Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch với chiều dài khoảng **L=0,94Km**, mặt cắt ngang rộng **B=50m** ( $B_{\text{mặt}}=2 \times (7,5 - 7,5)m$ ,  $B_{\text{hệ}}=2 \times (7,5 - 8)m$ ,  $B_{\text{phân cách}}=20,0m$ ); xây dựng và lắp đặt hệ thống an toàn giao thông; đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật (cây xanh, chiếu sáng, thoát nước,...).

3. Nhóm Dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **166.442 triệu đồng**.

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách huyện Đông Anh.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Huyện Đông Anh.

7. Thời gian thực hiện Dự án: Năm 2022-2025.

8. Chủ đầu tư Dự án: UBND huyện Đông Anh.

**Phụ lục 30**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 3 đoạn từ**  
**cầu Lộc Hà đến dốc Vân, huyện Đông Anh**  
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày của HĐND Thành phố)

---

1. Mục tiêu đầu tư: Hoàn thiện tuyến đường theo quy hoạch được duyệt; kết nối giao thông trong khu vực và tạo điều kiện đi lại thuận lợi; giảm thiểu ùn tắc, tai nạn giao thông; góp phần phát triển kinh tế - xã hội; cải thiện cảnh quan, môi trường; tạo ra bộ mặt đô thị văn minh - hiện đại;....

2. Quy mô đầu tư: Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch với chiều dài khoảng **L=1,85Km**, mặt cắt ngang rộng **B=50m** ( $B_{\text{mặt đường chính}}=2 \times 7,5\text{m}$ ,  $B_{\text{hè}}=2 \times 8\text{m}$ ,  $B_{\text{phân cách chính}}=3\text{m}$ ,  $B_{\text{mặt đường gom}}=2 \times 7\text{m}$ ,  $B_{\text{phân cách gom}}=2 \times 1\text{m}$ ); xây dựng và lắp đặt hệ thống an toàn giao thông; đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật (cây xanh, chiếu sáng, thoát nước,...).

3. Nhóm Dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **392.092 triệu đồng**.

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách huyện Đông Anh.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Huyện Đông Anh.

7. Thời gian thực hiện Dự án: Năm 2023-2026.

8. Chủ đầu tư Dự án: UBND huyện Đông Anh.

**Phụ lục 31**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 23B đoạn từ ngã tư Biển Thề**  
**đến hết địa phận huyện Đông Anh**  
(Kèm theo Nghị quyết số            /NQ-HĐND ngày            của HĐND Thành phố)

1. Mục tiêu đầu tư: Hoàn thiện tuyến đường theo quy hoạch được duyệt; kết nối giao thông trong khu vực và tạo điều kiện đi lại thuận lợi; giảm thiểu ùn tắc, tai nạn giao thông; góp phần phát triển kinh tế - xã hội; cải thiện cảnh quan, môi trường; tạo ra bộ mặt đô thị văn minh - hiện đại;....

2. Quy mô đầu tư: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường theo quy hoạch với chiều dài khoảng **L=8,3Km**, mặt cắt ngang rộng **B=(25÷50)m**; xây dựng và lắp đặt hệ thống an toàn giao thông; đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật (cây xanh, chiếu sáng, thoát nước,...); xây dựng cầu vượt qua đường sắt Bắc Hồng - Văn Điển.

3. Nhóm Dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **1.186.196 triệu đồng**.

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách huyện Đông Anh.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Huyện Đông Anh.

7. Thời gian thực hiện Dự án: Năm 2023-2026.

8. Chủ đầu tư Dự án: UBND huyện Đông Anh.

**Phụ lục 32**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km191+700 đến Km193+300 qua địa**  
**bàn thị trấn Thường Tín**  
(Kèm theo Nghị quyết số            /NQ-HĐND ngày            của HĐND Thành phố)

1. Mục tiêu đầu tư: Hiện thực hóa các quy hoạch đã được phê duyệt. Tạo ra tuyến đường Quốc lộ 1A có hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh theo quy hoạch đã được duyệt nhằm chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật, tạo bộ mặt khang trang, mỹ quan đô thị khu vực trung tâm huyện Thường Tín và phát triển kinh tế xã hội của Huyện. Cải tạo, nâng cấp mở rộng tuyến theo quy hoạch, phát triển đồng bộ hệ thống giao thông theo quy hoạch của Thành phố, phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, nâng cao năng lực phục vụ của tuyến đường góp phần phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng cửa ngõ phía Nam của Thành phố.

2. Quy mô đầu tư: Cải tạo nâng cấp tuyến đường dài khoảng 1,6Km; Quy mô: Thiết kế  $\frac{1}{2}$  mặt cắt ngang còn lại theo quy hoạch: Bnền = 19,0m; Công trình cầu Thường Tín tại Km193+60,46:  $\frac{1}{2}$  bề rộng mặt cầu B = 18,0m. Các hạng mục chủ yếu: Nền, mặt đường, cầu, vỉa hè, thoát nước, hào kỹ thuật, cây xanh, chiếu sáng, an toàn giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ khác.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án (dự kiến): **499.703 triệu đồng** (Bốn trăm chín mươi chín tỷ, bảy trăm linh ba triệu đồng).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách huyện Thường Tín.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

7. Thời gian thực hiện dự án: 2022-2025.

8. Chủ đầu tư: UBND huyện Thường Tín.

**Phụ lục 33**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Nạo vét cửa âu xuống tại khu biệt thự Tây Hồ**  
(Kèm theo Nghị quyết số            /NQ-HĐND ngày            của HĐND Thành phố)

1. Mục tiêu đầu tư: Tăng khả năng hoạt động của xuống cao tốc để phục vụ việc di chuyển và bảo vệ các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước.

2. Quy mô đầu tư:

- Nạo vét khu vực trong ao âu xuống phía trong biệt thự Tây Hồ với diện tích 1.395m<sup>2</sup> thuộc Văn phòng Trung ương Đảng tại số 43 đường Đặng Thai Mai, phường Quảng An, quận Tây Hồ;

- Nạo vét lòng Hồ Tây tạo luồng cho thuyền di chuyển (từ bờ ra lòng hồ): BxL 50x150 đến cao trình +4.00m

- Phá dỡ chân tường kè phía trong âu xuống: dài 4m bằng đá xây mở rộng lối ra vào âu thuyền;

- Thay cánh cổng lối ra vào âu xuống (cổng BxH=3.40x3.00m)

3. Nhóm Dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **14.981 triệu đồng.**

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách quận Tây Hồ.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: số 43 đường Đặng Thai Mai, phường Quảng An, quận Tây Hồ.

7. Thời gian thực hiện Dự án: Năm 2022-2024.

8. Chủ đầu tư Dự án: UBND quận Tây Hồ.

**Phụ lục 34**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Gia cố bờ mương thoát nước liên phường trên địa bàn**  
**phường Tứ Liên (đoạn từ ngõ 238 Âu Cơ đến ngõ 124 Âu Cơ)**  
**kết hợp trồng cây xanh chống tái lấn chiếm đất công**  
(Kèm theo Nghị quyết số            /NQ-HĐND ngày            của HĐND Thành phố)

1. Mục tiêu đầu tư: Gia cố bờ mương thoát nước liên phường trên địa bàn phường Tứ Liên (đoạn từ ngõ 238 Âu Cơ đến 124 Âu Cơ) kết hợp trồng cây xanh chống tái lấn chiếm đất công.

2. Quy mô đầu tư

Gia cố bờ mương với chiều dài tuyến khoảng 550m. Bề rộng theo hiện trạng rộng từ 6-60m. Diện tích đất khoảng 14.192m<sup>2</sup>. Trong đó đất mặt nước khoảng 10.233,2m<sup>2</sup> đất lưu không 3.957,7m<sup>2</sup>.

3. Nhóm Dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **74.353 triệu đồng.**

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách quận Tây Hồ.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Phường Tứ Liên, quận Tây Hồ.

7. Thời gian thực hiện Dự án: Năm 2022-2024.

8. Chủ đầu tư Dự án: UBND quận Tây Hồ.

**Phụ lục 35**  
**Chủ trương đầu tư dự án**  
**Cải tạo vỉa hè và hạ tầng kỹ thuật hè đường**  
**Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân**  
(Kèm theo Nghị quyết số            /NQ-HĐND ngày            của HĐND Thành phố)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng tuyến đường giao thông có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và hoàn chỉnh; đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và đi lại của người dân trong khu vực.
- Tạo cảnh quan đô thị với kiến trúc hiện đại, tăng cường chất lượng vệ sinh môi trường và góp phần thay đổi bộ mặt đô thị ngày càng văn minh, sạch đẹp.

2. Quy mô đầu tư:

Cải tạo, nâng cấp đồng bộ hai bên hè đường có tổng chiều dài khoảng 2.900m (hè bên trái khoảng 1.450m, hè bên phải khoảng 1.450m)

3. Nhóm Dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư Dự án dự kiến: **42.552 triệu đồng.**

5. Nguồn vốn thực hiện Dự án: Ngân sách quận Thanh Xuân.

6. Địa điểm xây dựng Dự án: Phường Nhân Chính, phường Thanh Xuân Chung, phường Thanh Xuân Bắc quận Thanh Xuân.

7. Thời gian thực hiện Dự án: Năm 2022-2024.

8. Chủ đầu tư Dự án: UBND quận Thanh Xuân.

**Phụ lục 36**  
**Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án**  
**Xây dựng, cải tạo Trường THPT Yên Lãng, huyện Mê Linh**  
*(Kèm theo Nghị quyết số      /NQ-HĐND ngày      của HĐND Thành phố)*

| <b>T<br/>T</b> | <b>Nội dung</b>     | <b>Đã phê duyệt</b><br><i>(tại văn bản số<br/>497/HĐND-KTNS ngày<br/>06/9/2018 của HĐND<br/>Thành phố)</i> | <b>Nay điều chỉnh</b> |
|----------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 1              | Tổng mức đầu tư     | 42.476 triệu đồng                                                                                          | 59.341 triệu đồng     |
| 2              | Thời gian thực hiện | Năm 2019-2012                                                                                              | Năm 2019 - Quý I/2023 |

Các nội dung khác giữ nguyên theo văn bản số 497/HĐND-KTNS ngày 06/9/2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

**Phụ lục 37**  
**Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án**  
**Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp Cung Thanh niên Hà Nội**  
**(Số 37, phố Trần Bình Trọng)**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày của HĐND Thành phố)

| TT | Nội dung                 | Theo Quyết định số 5708/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND Thành phố; Thông báo số 9786/SXD-QLXD ngày 28/10/2016 của Sở Xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Nay điều chỉnh                                                                                                                                                                                                                |
|----|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I  | Điều chỉnh tên dự án     | Cải tạo, sửa chữa Nhà Văn hóa Học sinh – Sinh viên Hà Nội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cải tạo, nâng cấp Cung Thanh niên Hà Nội                                                                                                                                                                                      |
| II | Điều chỉnh quy mô đầu tư |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                               |
| 1  | Cầu vào đảo Thiên Quang  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dỡ bỏ phần lan can (xây và ốp đá) 2 bên thành cầu và phần tường lan can phía 2 đầu cầu để cải tạo</li> <li>- Dỡ bỏ lớp mặt lát nền cầu cũ hỏng, cải tạo làm mới lại mặt cầu</li> <li>- Làm lại lan can cầu - tạo kiến trúc nhẹ nhàng, Cải tạo chỉnh trang khu lối vào - đầu cầu qua hồ (tránh người qua đường thường đi vệ sinh gây xú uế mất vệ sinh và mỹ quan)</li> <li>- Kinh phí xây lắp dự trù: 430 triệu đồng</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giữ nguyên như nội dung, thiết kế đã thẩm định</li> <li>- Kinh phí xây lắp theo báo cáo KTKT đã thẩm định, và khái toán (chi tiết) thời điểm hiện nay: 522,81 triệu đồng.</li> </ul> |
| 2  | Làm biển hiệu cơ quan    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉnh trang biển hiệu - ghi tên đơn vị trên đá: vừa trang trí vừa ngăn chặn các đối tượng phóng uế gây mất vệ sinh, mất mỹ quan;</li> <li>- Thay biển hiệu bằng sắt tại vị trí cầu vào công trình.</li> <li>- Kinh phí xây lắp dự trù: 200 triệu đồng</li> </ul>                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giữ nguyên như nội dung, thiết kế đã thẩm định</li> <li>- Kinh phí xây lắp theo báo cáo KTKT đã thẩm định, và tạm tính thời điểm hiện nay: 150 triệu đồng.</li> </ul>                |
| 3  | Nhà thường trực          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dỡ bỏ phần tường, cửa đã hỏng để cải tạo; Cải tạo xây dựng lại tường nhà theo kiến trúc hiện tại;</li> <li>- Bổ sung thêm không gian, quây đón tiếp ngoài cầu</li> <li>- Thay thế cửa cũ đã hư hỏng.</li> <li>- Kinh phí xây lắp dự trù: 87 triệu đồng</li> </ul>                                                                                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bỏ nội dung thứ 2</li> <li>- Kinh phí xây lắp theo báo cáo KTKT đã thẩm định, và khái toán (chi tiết) thời điểm hiện nay: 167,31 triệu đồng.</li> </ul>                              |

|   |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4 | Chỉnh trang sân tổng thể             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dỡ bỏ, xử lý phần nền sụt lún và hoàn thiện hoàn trả lại lát nền sau khi xử lý, bổ sung bồn, cây xanh.</li> <li>- Kinh phí xây lắp dự trù: 4.896 triệu đồng</li> </ul>                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giữ nguyên như nội dung, thiết kế đã thẩm định (mức độ hư hỏng tăng lên so với thời điểm năm 2015: Bổ sung gia cường nền sân sụt lún bằng BT đá dăm mác 150 dày trung bình 200)</li> <li>- Kinh phí xây lắp theo báo cáo KTKT đã thẩm định, và khái toán (chi tiết) thời điểm hiện nay: 934,85 triệu đồng;</li> <li>- Bổ sung gia cường nền sân sụt lún bằng BT đá dăm mác 150 dày trung bình 150 cho khoảng 20% diện tích lát sân.</li> </ul> |
| 5 | Cải tạo Nhà biểu diễn (hội trường A) | <p>Xử lý lún nứt các vị trí tường nứt trong đó xây dựng lại các đoạn tường lún nứt quá tiêu chuẩn cho phép <math>\geq 1\text{cm}</math>; Gồm: đoạn tường bao 2 bên hông nhà, tường WC.</p>                                                                                                                                                     | <p>Giữ nguyên như nội dung, thiết kế đã thẩm định (tuy nhiên mức độ hư hỏng tăng lên so với thời điểm năm 2015).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|   |                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dỡ bỏ Xử lý lún nứt và lát lại nền;</li> <li>- Dỡ bỏ và thay lớp lát nền bằng gạch ceramic (đá bong tróc, mòn bề mặt gạch) bằng lớp gạch lát granite nhân tạo.</li> </ul>                                                                                                                             | <p>Giữ nguyên như nội dung, thiết kế đã thẩm định (tuy nhiên mức độ hư hỏng tăng lên so với thời điểm năm 2015).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|   |                                      | <p>Thay thế lớp granito cũ hỏng, đã bong tróc, mòn bề mặt bằng lớp granito mới.</p>                                                                                                                                                                                                                                                            | <p>Giữ nguyên như nội dung, thiết kế đã thẩm định.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|   |                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không gian phòng họp tầng 2, thay cửa ra vào đảm bảo cách âm với âm thanh dưới rạp;</li> <li>- Chỉnh trang lại khu vệ sinh theo hướng hiện đại (sen vòi tự động, thiết bị sấy khô, hệ thống khử mùi,...);</li> <li>- Bảo dưỡng ghế trong rạp (Đánh vecni cho phần gỗ, sơn phần khung sắt).</li> </ul> | <p>Giữ nguyên như nội dung, thiết kế đã thẩm định (tuy nhiên mức độ hư hỏng tăng lên so với thời điểm năm 2015, đặc biệt là hệ thống làm mát và hệ thống thông màn, cơ khí sân khấu, ván sàn sân khấu).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                             |

|   |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉnh trang phòng chiếu phim thành phòng đa năng có cách âm tốt với âm thanh dưới rạp, cách nhiệt (sinh hoạt CLB, hội họp...);</li> <li>- Bảo dưỡng, sửa chữa lại hệ thống làm mát của rạp và sảnh A;</li> <li>- Bảo dưỡng; Nâng cấp hệ thống cơ khí sân khấu, thay phong màn mới;</li> <li>- Thay khuôn cửa gỗ hội trường (hỏng do mối);</li> <li>- Thay ván sàn sân khấu (bị bong, cong vênh) và véc ni bảo dưỡng lại toàn sân khấu.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống làm mát của rạp và sảnh A đã hỏng hoàn toàn ko sử dụng được, đề xuất thay mới;</li> <li>- Bổ sung mức độ hư hỏng tăng ; Chỉnh trang hệ thống làm mát và hệ thống phong màn, cơ khí sân khấu, ván sàn sân khấu.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                     |
|   |            | Vệ sinh; Lăn sơn lại toàn bộ Nhà biểu diễn sau khi cải tạo sửa chữa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Giữ nguyên như nội dung, thiết kế đã thẩm định; điều chỉnh tăng giá lăn sơn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|   |            | - Tổng kinh phí xây lắp Cải tạo Nhà biểu diễn dự trù: 3.493,25 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | - Tổng kinh phí xây lắp theo báo cáo KTKT đã thẩm định, và khái toán (chi tiết) thời điểm hiện nay: 4.220,10 triệu đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 6 | Nhà thuyền | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí lại nội thất theo hướng là nơi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, đọc sách kết hợp với dịch vụ café cho học sinh sinh viên</li> <li>- Chỉnh trang phù hợp với mục đích sử dụng (thay tường bằng kính, bố trí lại hệ thống mái, tường, hệ thống cây hoa trang trí,...)</li> <li>- Gia cố hệ thống trụ đỡ, đảm bảo an toàn kết cấu nhà</li> <li>- Kinh phí xây lắp dự trù: 240 triệu đồng</li> </ul>                                               | <p>Thời điểm hiện nay hạng mục này xuống cấp, không sử dụng. Đề xuất dỡ bỏ - điều chỉnh không thực hiện như ban đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà 2 tầng, diện tích sàn 140m<sup>2</sup></li> <li>- Dỡ bỏ, vận chuyển phế thải;</li> <li>- Chỉnh trang lại khu vực này sau khi dỡ bỏ - diện tích khoảng 70m<sup>2</sup> (gồm sân, cây xanh, đèn, cây hoa trang trí,...)</li> <li>- Kinh phí xây lắp tạm tính thời điểm hiện nay: 240 triệu đồng.</li> </ul> |

|   |                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7 | Khu nhà<br>nổi (Lớp<br>học<br>Piano)                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia cố hệ thống cọc, cột đỡ</li> <li>- Làm lại hệ thống sàn nhà đã bị xuống cấp</li> <li>- Bố trí lại các phòng cho hợp lý</li> <li>- Mở rộng khu lan can đưa ra hồ (nới rộng diện tích sử dụng)</li> <li>- Kinh phí xây lắp dự trù: 183 triệu đồng</li> </ul> | <p>Thời điểm hiện nay hạng mục này không sử dụng được và đã sụt đổ khoảng 1/3 diện tích. Đề xuất điều chỉnh không thực hiện như ban đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dỡ bỏ toàn nhà đã sụt lún, vận chuyển phế thải;</li> <li>- Xây dựng mới lại theo mặt bằng gần như nguyên trạng- diện tích khoảng 200m<sup>2</sup> (Phần thân trên mặt hồ); Xử lý móng - dưới hồ và hệ cột đỡ sàn (trồng tầng)</li> <li>- Kinh phí xây lắp theo báo cáo KTKT đã thẩm định, và khái toán (chi tiết) thời điểm hiện nay, gồm:</li> <li>- Dỡ bỏ nhà cũ, vận chuyển phế thải: 405,24 triệu đồng</li> <li>- Xây dựng mới: 3.782,60 triệu đồng.</li> </ul> |
| 8 | Khu nhà<br>làm việc                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay thế hệ thống cửa gỗ</li> <li>- Làm lại hệ thống nhà vệ sinh (thay thiết bị và nội thất) theo hướng hiện đại, văn minh.</li> <li>- Chỉnh trang, sơn lại toàn nhà sau sửa chữa</li> <li>- Kinh phí xây lắp dự trù: 316 triệu đồng</li> </ul>                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giữ nguyên như nội dung, thiết kế đã thẩm định (tuy nhiên mức độ và khối lượng hư hỏng tăng lên so với thời điểm năm 2015;</li> <li>- Kinh phí xây lắp theo báo cáo KTKT đã thẩm định, và khái toán hiện nay: 956,40 triệu đồng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 9 | Bổ sung<br>nhà để xe<br>của cán bộ<br>Bố trí khu<br>vực để xe<br>có mái<br>che | <p>Bố trí khu vực để xe có mái che (ở vị trí mới) đảm bảo để được 30-40 xe máy</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh phí xây lắp dự trù: 75 triệu đồng</li> </ul>                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giữ nguyên như nội dung, thiết kế đã thẩm định;</li> <li>- Kinh phí xây lắp theo báo cáo KTKT đã thẩm định, và khái toán (chi tiết) thời điểm hiện nay: 78,36 triệu đồng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

|    |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10 | Bố trí lại hệ thống ánh sáng | <p>Tăng cường các thiết bị chiếu sáng trên cao, dưới chân các gốc cây, các vị trí có tính trang trí, biểu tượng của Cung thanh niên</p> <p>- Kinh phí xây lắp dự trù: 30 triệu đồng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <p>- Giữ nguyên như nội dung, thiết kế đã thẩm định.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 11 | Bổ sung cây xanh trên đảo    | <p>- Trồng bổ sung những cây gần với tuổi học trò như: phượng vĩ, bằng lăng,...</p> <p>- Tăng cường hệ thống cây hoa, tiểu cảnh trang trí trên đảo.</p> <p>- Kinh phí xây lắp dự trù: 280 triệu đồng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <p>- Giữ nguyên như nội dung, thiết kế đã thẩm định.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 12 | Kè xung quanh đảo            | <p>- Xử lý đóng cọc tre, để đổ bê tông đá 4 x 6 dọc chân kè để chắn trôi đất. Chiều dài kè khoảng 430m;</p> <p>- Làm vách ngăn tạm để ngăn nước hồ khi xử lý chân kè (đóng cọc tre, quây bạt..) Chiều dài kè khoảng 550m</p> <p>- Hút nước, vét bùn sau khi làm vách ngăn</p> <p>- Chuyển phế thải - tạm tính</p> <p>- Đổ bê tông đá 4 x 6 dọc chân kè để chắn trôi đất. Dự kiến chiều dài kè khoảng 430m * 0,3m<sup>3</sup> bê tông/1m = 129 m<sup>3</sup></p> <p>- Hoàn chỉnh, hoàn trả lại lòng hồ sau khi xử lý</p> <p>- Sửa chữa lại các hạng mục kiến trúc, bồn cây trên phạm vi 2m xung quanh mép hồ</p> <p>- Kinh phí xây lắp dự trù: 1.404 triệu đồng</p> | <p>Điều chỉnh: Chỉ xử lý phần tường kè trên mặt sân (không xử lý phần chân kè):</p> <p>- Xử lý dỡ bỏ các đoạn tường kè nứt vỡ. Chiều dài kè khoảng 100m</p> <p>- Xây dựng lại bằng đá hộc. Chiều dài kè khoảng 100m (chiều rộng, chiều cao trung bình: 0,36*0,65)</p> <p>- Sửa chữa lại các hạng mục kiến trúc, bồn cây trên phạm vi 2m xung quanh mép hồ</p> <p>- Kinh phí xây lắp theo báo cáo KTKT đã thẩm định, và khái toán (chi tiết) thời điểm hiện nay: 62,94 triệu đồng.</p> |
| 13 | Phần thiết bị                | <p>- Thiết bị, bàn ghế cho phòng đa năng(nâng cấp từ phòng chiếu phim);</p> <p>- Thiết bị chiếu sáng trên cao, dưới chân các gốc cây, các vị trí tại sân vườn;</p> <p>- Hệ thống làm mát của rạp và sảnh A;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <p>Điều chỉnh, bổ sung thiết bị căn cứ nhu cầu thực tại:</p> <p>Thiết bị bàn ghế, phòng màn:</p> <p>- Bổ sung bàn ghế làm việc cho khu các phòng làm việc của Nhà biểu</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

|     |                           |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống cơ khí sân khấu, thay phong màn mới</li> <li>- Kinh phí xây lắp dự trù: 550 triệu đồng</li> </ul> | <p>diễn + Nhà thiên (Nhà nổi);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống rèm, phong màn...</li> </ul> <p>Thiết bị điều hoà nhiệt độ; Cơ khí sân khấu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bù ga; Bảo dưỡng hệ thống làm mát (điều hoà cây) sảnh A</li> <li>- Điều hoà nhiệt độ bổ sung khu vực sân khấu; Điều hoà nhiệt độ trung tâm (Phòng khán giả): Thay thế- giữ lại hệ thống ống, cửa gió lạnh...</li> <li>- Bảo dưỡng; Chỉnh trang nâng cấp hệ thống cơ khí sân khấu.</li> <li>- Kinh phí xây lắp theo báo cáo KTKT đã thẩm định, và khái toán (chi tiết) thời điểm hiện nay: 3.161,75 triệu đồng.</li> </ul> |
| III | Tổng mức đầu tư           | 14.892 triệu đồng                                                                                                                                   | 21.875 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| IV  | Thời gian thực hiện dự án | 2017-2019                                                                                                                                           | 2022-2023                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 5708/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND Thành phố

**Phụ lục 38**  
**Điều chỉnh Chủ trương đầu tư dự án**  
**Nâng cấp, mở rộng hệ thống công trình và trạm bơm Đình Thông,**  
**huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.**  
*(Kèm theo nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2022 của HĐND Thành phố)*

| <b>TT</b> | <b>Nội dung</b>                                                                                  | <b>Đã phê duyệt</b><br>(Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 17/01/2017)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>Đề nghị điều chỉnh</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Mục tiêu đầu tư                                                                                  | Phục vụ tưới cho 640ha đất nông nghiệp trên địa bàn các xã Hồng Kỳ, Nam Sơn, Phù Linh, huyện Sóc Sơn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Phục vụ tưới cho 368ha đất nông nghiệp trên địa bàn các xã Hồng Kỳ, Nam Sơn, Phù Linh, huyện Sóc Sơn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 2         | Quy mô đầu tư                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng thêm 01 trạm bơm đầu mối (trạm bơm Đình Thông 2) hình thức kết cấu tương tự trạm bơm hiện có với công suất 1.800 m<sup>3</sup>/h;</li> <li>- Xây dựng mới 01 trạm bơm cấp 2, bơm trục ngang công suất 1.200 m<sup>3</sup>/h;</li> <li>- Xây dựng mới 02 trạm biến áp 250KVA và 350KVA;</li> <li>- Cải tạo, xây mới tuyến kênh chính Đình Thông và các tuyến kênh nhánh với tổng chiều dài 8.500m.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cải tạo trạm bơm Đình Thông lắp đặt bổ sung thêm 01 máy bơm công suất 1.000 m<sup>3</sup>/h;</li> <li>- Xây dựng mới 01 trạm bơm cấp 2, công suất 500 m<sup>3</sup>/h,</li> <li>- Xây dựng mới trạm biến 320KVA.</li> <li>- Cải tạo, xây mới tuyến kênh chính Đình Thông và các tuyến kênh nhánh với tổng chiều dài 10.284m;</li> <li>- Xây dựng cửa chia nước và các công trình trên kênh.</li> </ul> |
| 3         | Tổng mức đầu tư                                                                                  | 49.000 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 54.956 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 4         | Thời gian thực hiện dự án                                                                        | Năm 2017-2018                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Năm 2022 – 2024                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 5         | Nội dung công tác chuẩn bị đầu tư; kinh phí chuẩn bị đầu tư; thời gian thực hiện chuẩn bị đầu tư |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Thực hiện theo quy định hiện hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của UBND Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống công trình và trạm bơm Đình Thông, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

**Phụ lục 39**  
**Điều chỉnh chủ trương đầu tư**  
**Dự án cải tạo, nâng cấp ngõ 66 Thanh Am, phường Thượng Thanh,**  
**quận Long Biên, Hà Nội**

(Kèm theo Nghị quyết số      /NQ-HĐND ngày      của HĐND Thành phố)

---

| TT | Nội dung                  | Đã phê duyệt<br>(QĐ số 1732/QĐ-<br>UBND ngày<br>09/4/2019) | Nay điều chỉnh    |
|----|---------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1  | Tổng mức đầu tư dự kiến   | 22.861 triệu đồng                                          | 38.406 triệu đồng |
| 2  | Thời gian thực hiện dự án | Năm 2019-2021                                              | Năm 2019-2023     |

Các nội dung khác giữ nguyên như Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND Thành phố.

**Phụ lục 40**  
**Điều chỉnh chủ trương đầu tư**  
**Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu 72-II trên đường tỉnh 423**  
*(Kèm theo Nghị quyết số        /NQ-HĐND ngày        của HĐND Thành phố)*

| <b>T<br/>T</b> | <b>Nội dung</b> | <b>Đã phê duyệt</b><br><i>(Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND Thành phố)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>Nay điều chỉnh</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1              | Mục tiêu đầu tư | Xây dựng công trình cầu 72-II đường tỉnh 423 trên địa bàn huyện Quốc Oai, huyện Hoài Đức nhằm thay thế cầu cũ đã hư hỏng, xuống cấp và từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông theo quy hoạch; đảm bảo an toàn giao thông, tạo điều kiện đi lại thuận lợi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của 02 huyện Quốc Oai, Hoài Đức nói riêng và thành phố Hà Nội nói chung | Xây dựng công trình cầu 72-II đường tỉnh 423 trên địa bàn huyện Quốc Oai, huyện Hoài Đức nhằm thay thế cầu cũ đã hư hỏng, xuống cấp; kết nối đồng bộ với tuyến đường phát triển phía Tây Nam, huyện Quốc Oai và đường đi UBND xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch; đảm bảo an toàn giao thông, tạo điều kiện đi lại thuận lợi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của 02 huyện Quốc Oai, Hoài Đức nói riêng và thành phố Hà Nội nói chung |
| 2              | Quy mô đầu tư   | Đầu tư xây dựng cầu với quy mô mặt cắt ngang <b>B=12m</b> , chiều dài toàn cầu khoảng <b>L=235m</b> ; xây dựng đường hai đầu cầu; hệ thống thoát nước; thoát chực giao thông, lắp đặt biển báo, sơn kẻ vạch theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường                                                                                                                            | Đầu tư xây dựng đồng bộ cầu và đường 2 đầu cầu theo đúng quy hoạch được duyệt; đầu tư xây dựng cầu với chiều dài <b>L=172,5m</b> , bề rộng <b>B=15m</b> và xây dựng đường hai đầu cầu với chiều dài khoảng <b>L=700m</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| <b>T<br/>T</b> | <b>Nội dung</b>     | <b>Đã phê duyệt</b><br>(Nghị quyết số 18/NQ-<br>HĐND ngày 25/10/2019<br>của HĐND Thành phố) | <b>Nay điều chỉnh</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                |                     | bộ QCVN41:2016/BGTVT                                                                        | (phía huyện Quốc Oai dài<br>khoảng $L=650m$ kết nối<br>đồng bộ với tuyến đường<br>phát triển phía Tây Nam;<br>phía huyện Hoài Đức dài<br>khoảng $L=50m$ kết nối<br>đường đi UBND xã Vân<br>Côn, huyện Hoài Đức), bề<br>rộng <b><math>B=21m</math></b> ; xây dựng và<br>lắp đặt hệ thống an toàn<br>giao thông; đầu tư xây<br>dựng đồng bộ hạ tầng kỹ<br>thuật (cây xanh, chiếu<br>sáng, thoát nước,...). |
| 3              | Tổng mức đầu tư     | <b>118.443 triệu đồng</b>                                                                   | <b>260.278 triệu đồng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 4              | Thời gian thực hiện | Năm 2019-2022                                                                               | Năm 2022-2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

Các nội dung khác giữ nguyên như Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND Thành phố.

**Phụ lục 41**  
**Điều chỉnh chủ trương đầu tư**  
**Dự án đầu tư xây dựng công trình**  
**cầu Tân Phú bắc qua sông Đáy, huyện Quốc Oai**

(Kèm theo Nghị quyết số        /NQ-HĐND ngày        của HĐND Thành phố)

---

| <b>T<br/>T</b> | <b>Nội dung</b>     | <b>Đã phê duyệt</b><br><i>(Quyết định số 1824/QQD-<br/>UBND ngày 17/4/2019 của<br/>UBND Thành phố)</i> | <b>Nay điều chỉnh</b>                                                                 |
|----------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1              | Quy mô đầu tư       | Quy mô mặt cắt ngang cầu<br><b>B=8m</b> ; xây dựng đường hai<br>đầu cầu <b>L=180m</b>                  | Quy mô mặt cắt ngang cầu<br><b>B=9m</b> ; xây dựng đường<br>hai đầu cầu <b>L=330m</b> |
| 3              | Tổng mức đầu tư     | <b>32.464 triệu đồng</b>                                                                               | <b>58.009 triệu đồng</b>                                                              |
| 4              | Thời gian thực hiện | Năm 2019-2020                                                                                          | Năm 2022 ÷ 2024.                                                                      |

Các nội dung khác giữ nguyên như Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND Thành phố.

## Phụ lục 42

### Điều chỉnh chủ trương đầu tư

**Dự án Cải tạo, chỉnh trang đường tỉnh lộ 427 đoạn từ QL21 B đến nút giao Khê Hối (đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ) trên địa bàn huyện Thường Tín**  
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày của HĐND Thành phố)

1. Chủ trương đầu tư dự án đã được Thường trực HĐND Thành phố phê duyệt tại văn bản số 488/HĐND-KTNS ngày 06/9/2018, UBND Thành phố đề nghị điều chỉnh với các nội dung như sau:

| Nội dung điều chỉnh  | Đã phê duyệt tại văn bản số 488/HĐND-KTNS ngày 06/9/2018 của HĐND TP                                                                                                                                                                                        | Đề xuất điều chỉnh                                                                                                                                       | Ghi chú                                                                                                                                                                                     |
|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tổng mức đầu tư      | 155,088 tỷ đồng                                                                                                                                                                                                                                             | 200,61 tỷ đồng                                                                                                                                           | Tăng do điều chỉnh chi phí bồi thường, hỗ trợ, GPMB và chi phí xây dựng                                                                                                                     |
| Quy mô (hướng tuyến) | Thực hiện theo Quyết định số: 5951/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND TP Hà Nội về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; Quyết định số: 1030/QĐ-SGTVT ngày 12/07/2019 của Sở giao thông vận tải thành phố Hà Nội về việc Phê duyệt TKBVTC-DT dự án | Nấn cục bộ hướng tuyến mới dịch chuyển lên phía Bắc đoạn từ Km0+366.37 đến Km1+182.70, quy mô mặt cắt ngang giữ nguyên. Chiều tuyến mới tăng thêm L=12m. | Đã được phê duyệt điều chỉnh chỉ giới đường đỏ, tỷ lệ 1/500 được phê duyệt tại quyết định số 4834/QĐ-UBND ngày 12/11/2021                                                                   |
| Thời gian thực hiện  | 2018-2022                                                                                                                                                                                                                                                   | 2018-2023                                                                                                                                                | Điều chỉnh để hoàn thiện các thủ tục liên quan đến việc thực hiện công tác GPMB, lập hồ sơ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, điều chỉnh Thiết kế BVTC-DT dự án và thi công hoàn thành. |

2. Các nội dung không ghi tại văn bản này tiếp tục thực hiện theo văn bản số 488/HĐND-KTNS ngày 06/9/2018 của Thường trực HĐND Thành phố.